

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Bùi Giáng (II)

#### Tiểu sử

Biệt danh: Trung niên thi sĩ, Thi sĩ đười ươi, Bùi Giáng dùi, Bùi Tồn Lưu,

#### Tác phẩm

Mưa nguồn, Lá hoa còn - Thi ca tư tưởng - Sa mạc phát tiết, Rớt hột



### Mục Lục

#### Chùm thơ Bùi Giáng - 2

Ba ngày với Bùi Giáng - Phan Thị Như Ngọc – 9

Đỉnh ảo, một đời thơ - Nam Dao – 12

Buổi sáng Thị Ngạn Am – Nguyễn Đạt – 17

Bùi Giáng viết về thi sĩ Đinh Hùng- 20

Bùi Giáng, hồn thơ bị vây khốn – Thanh Tâm Tuyền – 22

Bùi Giáng: Gã cuồng khẩu côi nhân gian - Nguyễn Hữu Hồng Minh – 26

Bùi Giáng, càng điên, càng tình – Nguyễn Hưng Quốc– 29

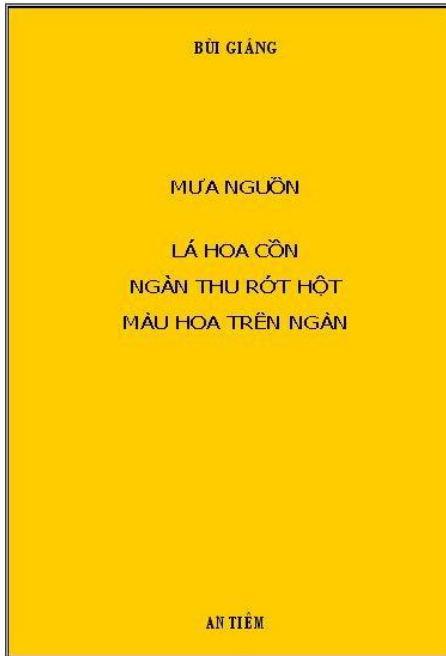
Thơ về... - 35

#### Phụ đính:

Mộ chí Bùi Giáng – Tiểu sử tự ghi

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Chùm thơ Bùi Giáng



### Ai đi tu

rời sào đất muộn thế ru  
Ban đầu em đã đi tu vội vàng  
Chân trời oán hận tràn lan  
Lỗi từ phương trượng u hân niêm hoa  
Bây giờ ngó lại người ta  
Gẫm rằng thiên hạ ai là đi tu.

### Tuy nhiên

Tuy nhiên em có mặc quần  
Mà không ắt hẳn là quần thật xinh  
Nếu như em chẳng mặc quần  
Thì ông trời ắt càng mừng rỡ hơn  
Kể ra lúc em còn bé  
Mới lọt lòng ra  
Trăm năm trong cõi người ta  
Thì khi đó quả thật là em chưa mặc quần

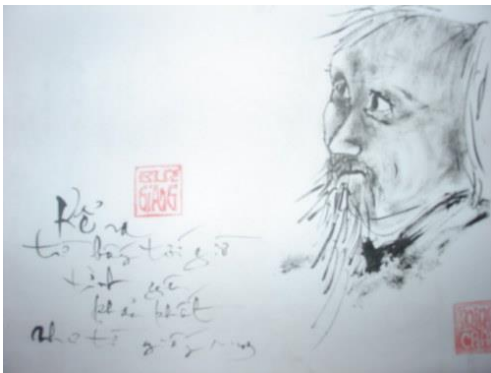
### Mất buồn

*"Đậm khuya ngắt tạnh mù khơi"*  
*Nguyễn Du*

Bóng mây trời cũ hao mòn

Chiêm bao não động riêng còn hai tay  
Tắm thân với mảnh hình hài  
Tắm thân thể với canh dài bão giông  
Cá khe nước cống lên đồng  
Ruộng hoang mang khóc đêm mông một giêng  
Tạ từ thán chấp quay nghiêng  
Âm trang sử lịch thu triển miên trời

Bỏ trắng gió lại cho đời  
Bỏ ngang ngựa sóng với lời hẹn hoa  
Bỏ người yêu bỏ bóng ma  
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời  
Bây giờ riêng đối diện tôi  
Còn hai con mắt khóc người một con



Chân dung tự họa  
tranh Bùi Giáng

### **Bờ trần gian**

Đường cong có cỏ mọc ven bờ  
Đứng trong vườn lá chuối tơ  
Chó sủa sớm chiều đi qua ngõ  
Gà con mất mẹ chạy băng quơ

Cá ở ngoài khe có ít nhiều  
Cồn lau cỏ lách có hoang liêu  
Em về có hỏi răng ri rứa  
Nhắm mắt đưa chân có bận liêu

### **Quán phở Huyền Trân**

Hai cô bán phở dịu dàng  
Đừng nên nói bậy hai nàng buồn ta  
- Trầm từ lịch kiếp phôi pha  
Tái sinh bất chợt mà ra phụ lòng  
Tình thương ẩn mật từ trong  
Nội tâm vô tận mà long đong vì

Phong tao phần đại tương nghi  
Tuỳ thời thể dựng mà tuy nhiên là.

### **Chào nguyên xuân**

Xin chào nhau giữa con đường  
Mùa xuân phía trước miền trường phía sau  
Tóc xanh dù có phai màu  
Thì cây xanh vẫn cùng nhau hẹn rằng

Xin chào nhau giữa lúc này  
Có ngàn năm đứng ngó cây cối và  
Có trời mây xuống lân la  
Bên bờ nước có bóng ta bên người

Xin chào nhau giữa bàn tay  
Có năm ngón nhỏ phơi bày ngón con  
Thưa rằng những ngón thon thon  
Chào nhau một bận sẽ còn nhớ nhau

Xin chào nhau giữa làn môi  
Có hồng tàn lệ không đời chưa cam  
Thưa rằng bạc mệnh xin kham  
Giờ vui bất tuyệt xin làm cỏ cây

Xin chào nhau giữa bụi đầy  
Nhìn xa có bóng áng mây nghiêng đầu

Hỏi rằng: người ở quê đâu  
Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà  
Hỏi rằng: từ bước chân ra  
Vì sao thấy gió đàng xa dậm dài  
Thưa rằng: nói nữa là sai  
Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào  
Hỏi rằng: đất trích chiêm bao  
Sá gì ngẫu nhĩ mà chào đón nhau  
Thưa rằng: ly biệt mai sau  
Là trùng ngộ giữa hương màu Nguyên Xuân

### **Bao giờ**

Bằng bút chì đen  
Tôi chép bài thơ  
Trên tường vôi trắng

Bằng bút chì trắng  
Tôi chép bài thơ  
Trên lá lục hồng

Bằng cục than hồng  
Tôi đốt bài thơ

Từng phút từng giờ  
Tôi cười tôi khóc băng quơ  
Người nghe cười khóc có ngờ chi không.



Chăn trâu  
tranh Bùi Giáng

### **Trong vườn**

Trong vườn mây gió lang thang  
Niềm đau cố quận muôn vàn mòn hao  
Ngõ ban sơ hạnh hôm nào  
Công xô còn vọng điệu chào chĩn e

### **Gỗ cửa tồn sinh**

Suốt đời phải thức suốt đêm  
Suốt ngày ngủ nướng mới nên con người  
Tồn sinh quá khứ chôn vùi  
Cơn say suốt kiếp - trận cười thâu canh  
Bình sinh lao khổ đã đành  
Cũng từ bình sử tựu thành mà ra  
"Thanh minh trong tiết tháng ba  
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh"

### **Uống rượu**

Uống xong ly rượu cuối cùng  
Bỗng nhiên chợt nhớ đã từng đầu tiên.  
Uống như uống nước ngọc tuyền  
Từ đầu tiên mộng tới phiên muộn sau  
Uống xong ly rượu cùng nhau  
Hẹn rằng mai sẽ quên nhau muôn đời  
Em còn ở lại vui chơi  
Suốt năm suốt tháng suốt nơi lan tràn  
Riêng anh về suốt suối vàng  
Trùng phùng Lý Bạch nghênh ngang Tản Đà

Em còn ở với sơn hà  
Anh còn mắt hút gần xa mắt hoài



Chân dung tự họa  
tranh Bùi Giáng

### **Mai sau em về**

Em về mấy thế kỷ sau  
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy chẳng  
Ta đi còn gởi đôi giòng  
Lá rơi có dội ở trong sương mù !

Những thương nhớ lạnh bao giờ  
Đường Thu chia ngã chân trời rộng tênh  
Đây phồn hoa của thị thành  
Đây hồn thủy thảo khóc tình ngựa ngang  
Cần khôn xưa của riêng chàng  
Xưa đài vũ trụ thiếp mang riêng mình  
Bây giờ đón bước em xinh  
Sầu đau nhan sắc bất bình ra sao ?

### **Người con gái mặc quần**

Người con gái hôm nay mặc quần đỏ  
vì hôm qua đã mặc chiếc quần đen  
đen và đỏ là hai màu rồi đó  
cũng như đời, đường hai nẻo xuống lên

Người con gái hôm nay mặc quần trắng  
vì hôm qua đã mặc chiếc quần hồng  
hồng và trắng là hai màu bên lên  
cũng như núi và rừng đều rất mực chênh vênh

Người con gái hôm nay mặc quần tím  
vì hôm qua đã mặc chiếc quần vàng  
vàng và tím là hai màu mím miệng  
mím môi cười và chúm chím nhe răng

Người con gái hôm nay mặc quần rách  
vì hôm qua đã mặc chiếc quần lành  
lành và rách đều vô cùng trong sạch  
bởi vì là lành rách cũng long lanh



**Chân dung Bùi Giáng**

### **Tóc bạc thừa răng**

Một bữa trắng sao  
Xuống rừng rú dại  
Một bữa trời trắng  
Buồn không thể nói

Cầm gương lên hỏi  
Tóc bạc thừa răng  
Trời đất cách ngăn  
Đừng mê con gái

Bực quá liền quăng  
Tắm gương xuống đất  
Vẫn nghe mãi rằng  
- Đó là sự thật!

### **Anh lừa bò vào đôi sim trái chín**

Anh lừa bò vào đôi sim trái chín  
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim  
Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín  
Anh ngó bốn bề cây lá gió rung rinh

Anh nằm xuống để nhìn lên cho thỏa  
Anh thấy lòng mở rộng đón trời xanh  
Chim ngậy ngất vào trong đôi mắt là  
Anh lim dim cho chết lịm hồn mình

Anh quên mất bò đương gặm cỏ  
Anh chỉ nghe tiếng cọ rì rào  
Có hay không ? bò đương gặm đó ?  
Hay là đây tiếng gió thì ào ?

Hay là đây tiếng suối lao xao  
Giữa giòng cỏ xuôi ghềnh chảy xuống ?

Mùi thoang thoảng lách lau sương đượm  
Mùi gầy gầy gầy gầy của hương rừng  
Mùi lên men phủ ngập mông lung  
Không biết nữa mà cần chi biết nữa

Cây lá bốn bên song song từng lú  
Sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn ngàn  
Hạnh phúc trời với đất mang mang  
Vớ bò giữa rừng hoang đương gặm cỏ  
Vớ người ngó ngắt ngây đương nằm đó  
Không biết trời đất có ngó mình không

### **Bây giờ**

Bây giờ trong cõi chiêm bao  
Ông say ông tỉnh, ông chào cỏ cây?  
Có chào nhau giữa bụi đây  
Có cô Trí Hải phô bày ngón thon?  
Bây giờ giữa Lá Hoa Cồn  
Ngàn thu rớt hột sinh tồn lai rai  
Nổi niềm thánh thót Diêm đài  
Trăng Ba La Mật đợi ai đêm trường.  
Bây giờ trong cõi mù sương  
Phải chăng Bến Giác cuối đường tìm ra  
Đầu sao đi nữa chẳng mà  
Lần khân giọt lệ thương tà tà dương  
Gọi nhau xó chợ đầu đường  
Ly xây chừng đủ một phương cứ hùng  
Bây giờ bước giữa tử sinh  
Tính Không soi rõ cái hình Hư Vô  
Thưa rằng: Đã rớt Kim Cô  
Bản lai diện mục ô hô bỏ dùi.

*Nghe tin Bùi Giáng hôn mê*

*Tháng Chín/98*





## Ba ngày với Bùi Giáng

Phan thị Như Ngọc



Bùi Giáng  
Bé Ký

“Tháng Năm” ở Sài Gòn khao khát mưa, chói chang phượng vĩ. Tôi đi dọc những lối nhỏ râm ran ve trong công viên Tao Đàn, nghe âm thầm xô tới câu thơ cũ của Appolinaire:

*Tháng Năm về điểm sơn xuyên  
Trên tàn phé dựng muôn ngàn cỏ hoa  
Bây giờ em đứng nơi đâu  
Cỏ trong mình mấy em sầu ra sao*

Bài thơ “Tháng Năm” có những câu sống dai dẳng cùng năm tháng, phần lớn nhờ tài dịch của Bùi Giáng. Và đã bao nhiêu người tốn nhiều giấy mực vì ông, một hiện tượng hơn là một thiên án. Gần đây nhất, báo Hà Nội đăng nhiều bài về Bùi Giáng thời chần bò chần dê, thời làm thơ, thời mê các kỳ nữ, thời điên loạn khiến nhiều người hiếu kỳ muốn xem mặt nhà thơ. Tiếc thay! Cánh hạc đã bay bỗng tuyệt vời....

Tôi thỉnh thoảng nhớ về Bùi Giáng. Mỗi lúc mỗi khác, khi thì nhớ ông, lão già bần thủ dất một râu chó lòi thoi đứng ngơ ngáo trên đường. Khi thì nhớ tới một lão nông tản mẫn nhặt gạo nấu cơm ăn với muối mè. Cũng không hiếm khi nhớ cặp kính dày cộm cúi trên trang giấy viết, nét bút như trẻ con, to và không thẳng hàng cho mấy. Còn thì chưa dám nói với ai rằng nhớ Bùi Giáng, một ông già phóng đãng say sưa năm mọp xuống nhìn phụ nữ...làm ra mưa móc (xin lỗi!)

Hình ảnh về Bùi Giáng xa xưa cứ đan vào nhau rối rắm, ảo thì không phải là thực e chừng cũng không phải. Tất cả bắt đầu từ mấy ngày trước năm 75. Tôi và “chàng” chia share phòng chung trên một đại học nọ. Do một nhân duyên ngắn ngủi, trớ trêu!

Người bạn trai tôi là một tăng nhân, làm việc gì đó trong trường này. Quen nhau nhiều năm, anh ta khiến tôi làm thơ, mơ mộng kha khá dĩ nhiên toàn mơ về những nơi chẳng ăn nhập gì tới niết bàn. Áo cà sa chỉ là một lớp vỏ, còn thực chất thì không phải, trần tục và bí hiểm. Tôi biết một ít về hoạt động của anh, vừa đủ để có cảm giác mạnh.

Mùa đông Đà Lạt, nơi tôi ở có một cây đào nở sớm. Sáng chiều đếm hoa, tôi nảy ra ý nghĩ, chừng nào hoa nở năm mươi bông ta sẽ tặng đôi mắt màu mây tuyệt đẹp của...người. Khi đem cành hoa xinh xinh hồng thắm đi 300 cây số, tôi đã mua cho hoa một ghé cạnh mình, cành hoa cắm trong xô nước không bị dập dù chỉ là một cánh lụa mỏng manh.

Bước lên lầu bốn, tìm tôi đập rộn ràng. Không báo trước, tự nhiên hiện ra như tổ nữ trong tranh, mắt tình tứ, môi chúm chím. Tôi nghĩ con gái thích làm như thế đối với chàng trai cô ta yêu. Nhưng ra mở cửa không phải là...mà là...

Không có trận mưa hồn nào cả. Chỉ có đôi mắt tròn xoe lóng lánh trẻ thơ của người mà sau này tôi biết là Bùi Giáng. Đôi má tôi đỏ chín và cả cảnh hòa đào...Tất cả đều trẻ trung, chan

chứa sắc xuân. Tôi chôn chân ngoài cửa một phút, rồi đi lui, mặc cho tiếng gọi sau lưng. Chàng của tôi gãi đầu bối rối, ông này mới dậy về mấy hôm. Máy phòng khác chật hết cho nên tạm thời xếp ông ở chung. Thôi thì...Mấy câu “thôi thì” liên tiếp bày ra một cảnh dở khóc cho tôi, dở cười cho Bùi Giáng. Hai tôi share một phòng, còn chủ nhân ôm gối lên thư viện hàng đêm. Hoa đào đâu biết tôi khổ, vẫn yêu kiều tôi sáng một góc bàn làm việc. Tôi đếm được 56 bông nở. Lại làm thắm. Đủ 100 thì ta về. Ngồi ngắm Bùi Giáng trên cái vạt giường kê dưới đất, xa tít cuối phòng, tôi chán quá. Ông nội này có tập thơ *Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn*. Tôi biết. Viết về M. Heidegger rồi lằng nhằng cái gì về *Thi Ca Tư Tưởng*, rồi dịch *Nhà Sư Vương Luy, Hamlet, Cõi Người Ta*...Nhiều thứ, nhiều tài. Nghe khen nhiều, bây giờ mới thấy con người trước mắt tôi, sao mà xoàng xĩnh, và lặng lẽ! Suốt buổi chiều chàng của tôi đi làm. Tôi chỉ ngồi đếm hoa và nhìn sông Bùi Giáng. Không dám đi đâu một mình. Bùi Giáng nói tự nhiên, cô viết thư cho nó, nó cho tôi coi hết. Cũng hay đó...Tôi ngẩn người. Còn hơn cả giận. Những bức thư riêng tư của tôi, tôi tưởng chỉ một người xem. Té ra cả ông này cũng “duyet”. Còn khen hay mới lạ đời!

Bùi Giáng nhỏ người, mặc bộ bà ba trắng rộng. Chung quanh ông ngồi là mùng màn, quần áo, mấy cái bị giang hồ bừa bộn. Chưa đủ linh kính, còn thêm một lồng chim cút dưới chân giường, cái siêu sắc thuốc, cái bếp dầu, soong nồi...Cứ như đàn bà nhà quê đi tản cư...Ông chỉ đóng sách vở, giấy bút trên đầu giường, vầy tôi, những cái này hay, qua đây coi. Tôi ghé đọc một mớ ngôn ngữ kiếm hiệp, lắc đầu hỏi bác viết làm gì cái này. Bùi Giáng lắc đầu, dịch, không phải viết, là Kim Kiếm Điều Linh của Ngọa Long đó.

Tôi nhìn nồi cơm đang sôi, màu đỏ quạch và chén muối mè thơm thơm, hiểu là ông đang theo phương pháp Oshawa ăn gạo lức, muối mè. Bác bị làm sao mà ăn uống cực vậy? Bị điên! Sao lại có thể nói tỉnh táo về khái niệm không tỉnh táo thế nhỉ. Điên mà còn biết là điên thì có thực điên không? Tôi hỏi như vậy. Ông nói tự nhiên, điên thiệt chứ. Mỗi khi gần tới cơm thì đón xe lên Biên Hòa. Mấy ông trong đó quen. Bớt thì lại ra. Tôi hơi hãi. Không biết bây giờ ông đang sắp thế nào? Đã “sắp” chưa!

Hoa không còn tươi như hôm qua, nhiều cánh là tả rụng trên bàn. Hy vọng hoa nở 100 cái cho ngày mai, ngày mốt xem như là không thể. Tôi nhớ núi và sương mù trên các dãy đồi nhuộm nắng quái của mình, cả hồ nước, cả cái lạnh cắt da cắt thịt buổi sáng tới trường. Ở đây, nóng và tù túng, sợ phập phồng một người chả biết lúc nào tỉnh lúc nào điên. Chàng của tôi bảo Bùi Giáng rất hiền, chỉ phải mỗi tội ở dơ, lại luộm thuộm, không chỗ nào muốn chữa lâu. Em chịu khó mấy bữa, để nói ông ta đi chỗ khác. Tôi lắc đầu, khỏi cần! Hoa ơi! Mộng và thực chả bao giờ là một. Bể bàng cho cả hai ta? Về thôi!

Buổi tối, tôi cuộn mình trên giường không ngủ, cũng không đọc gì. Nghe đi nghe lại Mozart. Nhớ không khí phòng trà ấm áp và vui vui hồi nãy. Mấy anh lóm nói chuyện tiếng Pháp với nhau, tôi và mấy anh em chọc nhau chí chöhe. Họ gọi tôi là sơn nữ....

Thấy tôi vào nhà tắm, Bùi Giáng bật dậy, vào theo. Tôi tái mét. Ông ta ôn tồn. Cho coi một chút thôi. Cô ngồi xuống tưới cỏ cây đi, tui nằm coi. Mát mẻ con mắt vậy mà, mai mốt cỏ trên mồ cũng mát theo. Trời ơi! Toàn “m” mát mẻ, mai mốt, mồ mả,...lùng bùng đầu óc. Tôi không giận, nghĩ ông ta không đùa giỡn, suồng sã. Chỉ là ngạc nhiên. Sao lại lúc này, lại là tôi. Những “mẫu thân” của ông đâu hết? Tại sao ông trở đi trở lại câu thơ Nguyễn Du “Sè sè nắm đất bên đường, dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh” khi nằm nhai gạo lức trong bóng đêm?

Tôi biết ông từng học với Phan Khôi, từng lậm chuyện Kiều, giỏi nhiều ngoại ngữ, lặn lội với thế giới triết đông triết tây, viết như đùa giỡn mọi người, sống múa may điên dại nhiều phen. Nhưng để làm gì những thứ đó. Có cần phải băng qua ý thức, qua vô thức, phá chấp tiệt để trước khi tái sinh thành trẻ thơ? Tôi hỏi như vậy. Nhưng Bùi Giáng không nói gì. Ngày hôm tôi quyết định từ đỉnh núi leo xuống mặt đất, hoa đào ngưng nở ở con số 59. Còn xa mới tới 100. Niết bàn ơi, xa quá! Tôi sẽ lên xe vào buổi trưa. Bùi Giáng đi đâu không biết. Giường chiếu như bãi chiến trường. Kiến và gián đang lục lọi nồi cơm đang ăn dở. Không thấy cái lồng chim cút nữa, chỉ thấy mấy tờ giấy viết chữ trẻ con rất to: “Lễ hội tháng ba...Bà Tròi gửi ông Tròi...Bà

Khổng Tử gửi ông...” theo gió bay loạn. Tồi tàn ngàn. Một mảnh giấy có chiếc dép chặn ngang, nằm dưới đất, rõ ràng viết cho tôi: “Đợi một ngày, còn chuyện nhờ đó”

Chuyện nhờ vẫn là chuyện cũ, song thái độ thiết tha và ánh mắt trẻ con rưng rưng chỉ cần tôi nói không là òa khóc khiến tôi cảm lòng không được, lấy câu Kiều “Đà lòng dật đến, dạy thì xin vâng” trút bớt xiêm y, ngồi xuống, và...mưa.

Bùi Giáng nằm dán mắt nhìn mưa móc cỏ hoa và mặt đất tràn bờ, dập dềnh. Mặt ông chói rục luồng sáng riêng tư, hoàn toàn không thể hiểu biết và chia sẻ. Mái đầu nhiều tóc bạc, gương mặt dãi dầu, gầy gò, hai tay nhăn nhúm đen xạm...tất cả như nở hoa, hân hoan từ mặt đất, mặt nước trên lầu 4. Dưới đường vẫn ngược xuôi xe cộ, tiếng động của đời sống con người vẫn vọng lên đều đặn. Không ai biết mắt người điên Bùi Giáng sáng và đẹp rục rở...

Giải phóng xong, từ Đà Lạt tôi về Sài Gòn. Chàng của tôi hoàn tục, nhanh chóng thành một người tôi không thích. Đại học nọ không còn như xưa. Xuống cấp đến đau lòng khi đổi chủ. Tôi lên lại căn phòng cũ, có cảm giác ngớ ngẩn như Lưu Thần Nguyễn Triệu mất dấu nguồn đào. Mới một hai năm mà dấu bề chóng mặt!

Càng chóng mặt hơn khi gặp lại Bùi Giáng trước cửa trường. Ăn mặc nhếch nhác, đủ thứ giẻ xanh đỏ trên người. Một mớ xích lằng nhằng. Đầu mỗi sợi xích là một con chó, con khỉ. Như người Bohemien. Khổng! Như người cỡi khác thì đúng hơn. Tôi gọi. Ông quay lại, đôi mắt như hai vũng nước mưa trong vắt, không in chút hồi ức con người, không nhận ra người con gái từng ôm hoa đào vào phòng, ở chung ba ngày và tặng ông một cơn mưa mãn nhãn. Tôi không dám thốt ra chữ điên.

Ngày Bùi Giáng mất, tôi đang ở xa, vật lộn với cảnh ngộ. Khi thoát ra được thì mọi sự đã xong. Tôi không chào ông, không theo lời dặn xưa tha thiết “Chùng tui chết, cô ngồi lên mộ tui...Ngậm cười chín tuổi vẫn còn thơm lây”. Cũng không buồn biết nơi chôn ông. Ngày tôi mất, nơi chôn tôi và những cơn mưa nữa. Tôi còn chưa lo nỗi thân mình!

Sinh thời có nhiều người “lạm” ông, bắt chước từ lối múa may tay chân cho chí múa may thơ thần của thần tượng như khi bắt chước người, cũng có phần giống giống. Nhưng đôi mắt của ông là sự kỳ diệu trời ban, không ai sao chép nổi vẻ ngây thơ tuyệt đỉnh của nó. Bùi Giáng nói năng nhỏ nhẹ nhưng Bùi Giáng lại gây ồn ào tranh cãi cho những người nghiên cứu về ông. Tầm vóc ông thấp nhỏ, gầy gò, đi đứng nằm ngồi chẳng choán chỗ mấy không gian. Thế mà cái bóng của ông hắt vào văn học miền Nam trước năm 75 sừng sững một biên thù riêng, vượt thời gian.

### *Tháng Năm về điểm sơn xuyên Trên tàn phé dựng muôn ngàn cỏ hoa*

Bùi Giáng đã có một “Tháng Năm” đầy hoa cho mình. Thành thoảng nhớ những ngày ngắn ngủi bên ông, tôi hay đọc lại bài “Tháng Năm”, không dám giải mã con người mà tôi chỉ mới chạm vào lớp vỏ bên ngoài trong ba ngày ngắn ngủi trên tầng trời thứ 4 năm xưa.

Chàng của tôi bây giờ có vợ con đề huề, xách cặp chạy trường cần mẫn. Tôi thấy có vài lần, và tiếc cho đóa anh đào điểm lệ nằm cũ. Với chàng, xem ra không cần một “Tháng Năm”. Người xa tôi nửa vòng trái đất, không có đôi mắt như vũng nước mưa đọng cả mây trời viễn xứ, không có cỏ hoa, chỉ có tâm hồn phé tích từ những năm tháng nhọc nhằn quá sức. Phải chi anh trẻ thơ được và quên được nhiều điều như thi sĩ họ Bùi kia và đọc được bài viết này...

Những bông hoa đào của tôi nay đã nở trăm bông. Thật tiếc!

*Phụ đính:*

*“Chàng” là nhà thơ Phạm Thiên Thư,  
thời gian này ông ở Viện Đại Học Vạn Hạnh...*

## Đình ảo, một đời thơ Nam Dao

Nguyễn Bắc Sơn, nhà thơ *của mai này đung độ mà không chết*, dẫn tôi đi tìm Bùi Giáng. Không về ghé sông Mao phá phách chơi, chẳng chia nốt nổi sầu cùng gái điếm, và bụng dạ nào để nghĩ đến *đốt tiền mua một thoáng ngày vui*. Đó là Sài Gòn đầu thập niên 80. Quần đen, áo bà ba. Nón cối gắn sao đỏ. Áo vàng thấp thoáng góc phố, mắt cay nghiệt rình rập, mặt lạnh như tiền. Như thế, dầu là thánh cũng chẳng thể không mang mặc cảm phạm tội. Một thứ tội danh chưa biết nhưng có thể ụp xuống đầu bất cứ lúc nào, thậm chí ngay bây giờ, hoặc mai, hay mốt. Tội hay không, hên sui may rủi như lắc xâm xin quẻ, tung đồng chinh sắp ngựa cầu một quẻ hào dịch ê a niềm hy vọng từ miệng người thầy bói mù đang lén lút hành nghề dị đoan mê tín.

Chúng tôi đạp xe dưới nắng chang chang. Qua cầu Bông. Tìm, hỏi. Rồi hỏi, tìm. Không, không thấy. Vòng qua Tân Bình, cũng không. Mấy bữa rồi ông đi mất tiêu. Qua chợ Trương Minh Giảng, lại hỏi, cái ông ấy mà, râu tóc trắng xóa, con mắt rục màu tinh quái, áo vá chẳng vá đụp thùng thình, thỉnh thoảng la hét gầm gừ, vai bị, tay gậy, nghe đầu dạo này lại có một chú tiểu đồng con con lẻo đẻo theo sau. Ờ, mới thấy bữa trước, giờ chắc ông zia Sè Gòn rồi. Chỗ nào? Trời biết, ông như thần thánh, lúc biến lúc hiện...Chịu, thôi thì thôi, để mặc mây bay, chưa bén duyên thì gửi lòng yêu theo cơn gió lửng. Nào, đạp xe về, chỗ đám văn nghệ sĩ trú, số 160 Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Nguyễn Bắc Sơn ra chợ trời, tối hôm đó mang về một cuốn sách mất bìa, tôi tả buộc kiểu bó giò bằng hai sợi dây thun, thiếu 48 trang đầu, bảo ...ta cho chú mày cuốn sách gói đầu giường. Tôi rón rén nhẹ tay mở ra, phía trên trang bên phải có chữ Tư Tưởng Hiện Đại (TTHĐ), bên trái thì M. Heidegger, cứ thế giờ, đến W. Faulkner, M. Camus. Đến trang 478, tiếp Phụ Trương Thần Thoại Hy Lạp, với cước chú rất tếu: "...*vì muốn hướng câu chuyện theo những viễn tượng nào đó được phôi mở nhiều trong tác phẩm của Homère - Euripide - Sophocle nên tôi kể chuyện Thần Thoại nghe ra có khác trong sách vở*"...

Tếu thế, và thế được là rất ngông nghênh, nhưng ngông nghênh duyên dáng nên chẳng để ai mất lòng (trừ những học giả hàn lâm, nghiêm túc chỉ thuần trích, dịch, ghi chú, liệt kê sách biên khảo với số trang chính xác...để ... làm tài liệu). Giở trang bìa sau nát bét, một nhá đã bươm tả, giấy nhăn nheo vàng ố, thấy ghi Giấy phép số 2715/XB cấp ngày 10-11-62, không có tên Nhà Xuất Bản. Trang trong ghi Lời Cuối Tập, rằng:  
*Vi điều kiện ấn loát quá khó khăn, nên ông chủ nhà in muốn chia cuốn sách ra làm hai tập. Tập thứ nhì sẽ in xong sau Tết Nguyên Đán. Độc giả thông cảm cho. Đa tạ. (Ký) Năm Cửa- Năm Cao-Năm Lửa-Năm Giáng.*

Nhưng Tết năm nào? In thế, ông chủ nhà in hẳn chịu chơi và rất chiều tác giả, để tên ký cũng cọt nhả, không phép tắc qui củ, bất cần nhân thế, cái thế nhân thường giữ cho bề ngoài có nét đứng đắn đến độ ảo não àu sâu! Tay nào viết cuốn này vậy? Nguyễn Bắc Sơn phá lên cười, thì Bùi Giáng chứ còn ai vào đấy được! À, và nếu ông chủ nhà in là ông Thanh Tuệ thì nhân đây tôi xin gửi ông một lời chào. Quả ông có con mắt xanh, chắc ông in năm 63, thời đệ nhất Cộng Hòa, mai hậu sách sử gọi là thời Tiền Ngụy để khỏi lẫn với thời sau 90.

\*

Có sách, phải đọc. Thật kỳ lạ! Dĩ nhiên có các vị M. Heidegger, W. Faulkner, M. Camus nhưng tất cả qua cái lăng kính Bùi Giáng, trộn vào nào là Thu Trang, Kim Cương, Thúy Kiều, Brigitte Bardot và Marilyn Monroe, nhàn nhuyển tồn hoạt với nhau trong một tồn sinh mà tại thể tạo ý nghĩa cho tồn thể. Nhưng tại thể là gì? Là Dasein trong ngôn ngữ Hết-Đe-Ghè, ...*là thực tại người?...là cái thể đứng ra để đón mời tồn thể. Nếu không có thực-tại-người-tại-thể thì tồn thể sẽ thiên thu mất ý nghĩa, sẽ chỉ còn là lù-lù-vật-thể-lai-rai* (Tựa thứ hai cho M.Heidegger và Tư

Tường Hiện Đại). Vậy Dasein là, Bùi Giáng cao giọng nghịch ngợm (TTHĐ, tr. 104), là *Da* (nghĩa thịt da) mà vì *Sein* (chỉ cái vú trong Pháp ngữ). Thế là, nữ lưu các vị ở trên, Bùi Giáng ký dưới cứ rên hừ hừ. Thơ kiểu lục bát thì tình bơ ký *BG* và *Tố Như*, còn sang đường luật thì là văn xuôi, tuyên bố *ngôn ngữ là ngôi nhà của tồn thể* và cứ thế quậy cho... nát như những nghĩa cùng ngôn, thò tay xem cái lò tôn (đọc lái kiểu *Bùi Giáng, là tồn lo, là...*) là gì. Tóm lại, đọc để hiểu tư tưởng Bùi Giáng quả là bất khả, nhưng có những thoáng thiên tài nhấp nháy ánh sao sa, và những phút giây khiến võ đui cười phá lên vì không thể nhịn mà được. Tỉ dụ:

### **Những ánh sao sa:**

*Khoa học giết người ...khoa học ngậy thơ được phép không ngờ...đã hồn nhiên gây bóng tối. Triết học giết người ...và ít ai hiểu rằng sở dĩ khoa học giết được nhiều con người đến thế là chính bởi triết học khôn nạn đã dọn đường, chính triết học hư tà đã phạm tội trước tiên... Sự làm lẫn tai hại của các triết gia-học giả đã tàn phá triết học thi ca suốt bao nhiêu thế kỷ, và dẫn con người thời đại này tới đầu hàng cơ giới duy lý duy vật một cách nhục nhã. (trích Tựa thứ hai, sách dẫn ở trên).*

*Luận lý học là tạo phẩm lai rai của nhà trường, của học giả. Triết nhân nếu có sử dụng luận lý học thì bao giờ cũng sử dụng với những hậu ý, coi luận lý học như một phương cách tạm thời giúp ta đạt được một cái-gì-khác lung linh hơn... Từ bao nhiêu thế kỷ tư tưởng của tinh anh đã hao mòn trong vòng vây của luận lý. Người ta đo tư tưởng theo tiêu chuẩn lệch lạc. Buộc cá phải bò trên bãi cát? Buộc chim phải lội dưới dòng sông?... Tất cả vấn đề là: làm thế nào cho xoang điệu hào hoa đừng bị đánh chìm bởi luận lý cò kè đo đếm, bớt một thêm hai. .*

*Sau nghìn thế kỷ của ba trăm năm điều tàn sa mạc, con người Trí Thức Trường Giả Da Vàng...vừa thống thiết tự xưng "ta Đông phương da vàng" vừa lém luốc dòm dò theo đuôi "em Tây phương tiến bộ văn minh da trắng"...Đông phương đã tiếp tục ngủ vùi giữa những trầm thống thất thanh kia. Và lúc sự tỉnh ra thì chỉ biết thống thiết chạy theo đuôi một cái đuôi hút heo tan nát, vừa chạy theo đuôi vừa gào to lên rằng mình vớ chộp được một cái đầu thật bự! (Trích Tựa cho Mùa Xuân Hương Sắc, An Tiêm, 1990, tái bản lần 1).*

### **Võ đui mà cười phá lên:**

*Nhưng tinh hoa của tư tưởng tồn sinh chính là ở chỗ chấp chờn- tồn hoạt, hắt hiu -tồn động, lây lất- tồn lung. Luôn luôn phải xin mở những dấu ngoặc để nói chuyện đầu Ngô đuôi Sở, là cố công cố gắng để đi sát nhịp với tồn sinh... Và nói chuyện đầu Ngô đuôi Sở xong, thì xin phép đóng dấu ngoặc lại, để xuống dòng bàn đến chuyện đầu Sở đuôi Ngô khác. Bởi vì nếu không tiếp tục bàn chuyện khác cũng đầu Ngô đuôi Sở thì ta sẽ rơi vào cái lỗi của hệ thống ngu si dập diu những Waelhens những Jean Wahl những Sartre cứ lục tục nối đuôi nhau - nhưng không nối đuôi được đẹp đẽ như chuồn chuồn - để tét dẹt hàng hàng những lách lau bá láp (TTHĐ, tr 103).*

*Cuộc "cách mạng" tư tưởng của học thuyết Sartre chỉ mở đường cho tư duy xuống dốc (ta hết sức tàn nhẫn mặc dầu ta yêu Sartre gần bằng Trang Phụng. Và mến Sartre hơn bao kẻ hương nguyệt. Và không muốn quên cái công của Sartre - không phải công với triết học mà là công với đề mèn - nhưng không thể nào không đập người vì bản phận đối với lá cỏ còn mà ta yêu quý. Đập người, ta rất đau lòng). Chủ nghĩa hiện sinh theo điệu Sartre sẽ sớm chấy bắt tay với duy - vật và suy - tư - khoa - học - máy móc. ( TTHĐ, tr. 147).*

*Tại sao một đêm ăn trộm bằng ba năm làm? Những bọn cầm bút phê bình cha-chú, ru rú rúc rào, lấp lờ giả vờ đứng - đần - ta - đây để bỏ nhào dề lưng kẻ làm vườn mỡ hôi nhuế nhọt - vâng - những bọn đó nên suy gẫm kỹ một cái câu này.(TTHĐ, tr. 183).*

TTHĐ, tr. 364:

- "I've seed de fisst en de last", Dilsey said, "Never you mind me".
- "First en last whut?" Frony said.
- "Never you mind", Dilsey said. "I seed de beginnin, en no I sees de endin"

Bùi Giáng dịch (giọng Quảng) :

- *Tòa đũa thấy ké đũa ké cuối.*
- *Chốe ngeại chi tèo, Chốe lôô chi cho tèo.*
- *Đéâu cuối ké chi?*
- *Chốe lôô ngeại chi chô tèo héc.*

\*

Tết năm con khỉ cách đây hai giáp, tôi đến thăm Trịnh Công Sơn và gia đình thì Bùi Giáng đã ở đó, áo trắng (sạch sẽ, chắc để đi ăn Tết), nhưng mặt mũi thâm tím. Sơn vỗ vai tôi, bảo tên này cũng làm thơ. Giáng cười móm mém, vờn vờn đi kiêu hát bội, vòng quanh tôi hai vòng, mắt chằm chằm nhìn tôi như một con vật lạ loài nơi phố thị. Đập đập lên vai, sờ sờ nắn nắn, Giáng làm điệu bộ đánh hơi, ước giá, miệng kêu khìn khịt, mắt háp háy tinh quái. Thành linh, Giáng thò tay trái ra bắt, hổ hổ, "Đời ươi thi sĩ, đích danh tại hạ!" rồi đưa tay lên trán chào kiêu nhà binh. Năm Dao hi! Giáng ré lên, chỉ trỏ cười, huyền thuyên nói thứ ngôn ngữ pha Anh Pháp Đức Việt và ba lằng nhằng đủ loại âm thanh, nói liền năm bảy phút, không cho ai cắt lời, chẳng cần ai hiểu. Tôi ngớ ra, lúng túng nhìn Giáng, chỉ biết cười cười. Sơn kêu, ông nội này phá quá trời quá đất. Giáng mặc, cứ tiếp tục, thành linh lẩn cù xuống đất, lộn ngược đầu, xoay vòng vòng, lẩn từ trong nhà ra sân, rồi lại từ sân lẩn vào, tiếng da thịt đụng xuống nền đất bình bịch. Tôi kinh hoàng. Hình như cả nhà Sơn đã quen với cái cảnh này, chẳng ai lộ vẻ ngạc nhiên. Sơn đứng đĩnh, chút chả hết cơn, không sao đâu... Mười phút sau, Giáng thôi ngộ nguậy, nằm thờ hồng hộc. Một lát, Giáng lồm cồm ngồi lên, mặt mũi tươi rói, có vẻ không nhớ gì những giây phút vừa qua. Phải chăng, tôi tự hỏi, Giáng vừa tìm lại một thứ quân bình giữa cái thể và cái trí chừng như cái nọ làm lệch cái kia. Bất ngờ, anh nhìn chăm chăm vào mắt tôi, giọng Quảng đặc sệt, dịu dàng: "Có sống như thơ thì mới làm thơ được".

Thơ Bùi Giáng. Phải nói, nhiều người đã xưng tụng thơ Giáng. Cũng nhiều người, nhãn mặt kêu, thơ đang hay bỗng trửng giỡn, mát hay. Nhưng nói gì thì nói, ai cũng nhận rằng Bùi Giáng là một nhà thơ. Và là một huyền thoại sống.

Tôi biết một đêm ăn trộm bằng ba năm làm, không chơi trò ru rú rúc rào, nhưng xin thưa với Đời ươi thi sĩ những bài thơ của anh mà tôi trân trọng. Trong tập Mưa Nguồn (1963), bài

*Người đi đâu, với*

*Trời vi vút én liệng vòng hót hã.*

*Đi đi em nguồn giậy mộng chiêm bao.*

*Về thao thức canh chầy tìm trở lại.*

*Bốn chân trời người đứng ở nơi nao.*

Rồi bài *Phương Hà*, nhất là đoạn:

*Trời tuổi trẻ bụi nào về vấy hãm.*

*Giữa mịt mờ trắng nước lạnh liên miên.*

*Hoài vọng uông bên nổi đời thê thảm.*

*Hòn núi sông anh lạc xứ xa miên.*

Trong *Mắt Buồn*, hai dòng như thể chuỗi hạt trai, rằng:

*Bây giờ riêng đối diện tôi.*

*Còn hai con mắt khóc người một con.*



Cuối cùng, *Mai Sau Em Về*, trác tuyệt bất ngờ là hai câu:

*Em về mấy thế kỷ sau.*

*Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không.*

Đến tập Lá Hoa Cồn (cũng 1963), tôi yêu lục bát Bùi Giáng, và nhận ra anh là đưa em cuối cùng của Tố Như Tử (chứ chẳng phải Nguyễn- Bính- ca- dao hay Phạm- Thiên- Thư- vô -thanh - vì- không- đủ -đoạn- trường). Với *Dệt Áo*, hãy nghe:

*Áo vàng xin dệt cho em.*

*Tơ vàng ai lựa sợi mềm tay đan.*

*Mai sau để lại hoe vàng.*

*Cầm nghe có thịt da nàng ở trong.*

Còn Sa Mạc Phát Tiết, đoạn cuối khiến châu thân lạnh toát rợn người:

*Thưa em trời chẳng cho gần.*

*Đường vô hạn trắng từ phần ban trưa.*

*Đêm vẫn vũ bạc phau xưa.*

*Hồn sa mạc phát tiết mưa ra ngoài.*

Bây giờ, lần dở Ngàn Thu Rớt Hột (lại cũng 1963) và nghe Bùi Giáng lên cơn tếu trong *Gởi thôn nữ Vĩnh Trinh*, kêu ca:

*Tám quần em rách đường tơ.*

*Cỏ trong mình mấy bâng quơ mọc nhiều,*

rồi sau lại hỏi:

*Bây giờ em đứng nơi đâu.*

*Cỏ trong mình mấy em sâu ra sao.*

Chưa hết, làm xong mấy khổ lục bát, Giáng tái bút:

*Gắng thu xếp gấp rồi vào. Tám quần năm trước phai màu rồi phải không. Trong này thiên hạ rất đông. Ăn mặc thật đẹp nhưng trông không mặn mà bằng em.*

Anh viết cứ như thật! Em nào chịu cho nổi cơ chứ?

Đến Màu Hoa Trên Ngàn (lại 1963), Bùi Giáng vẫn cứ phong độ, thơ trào ra, có tẻ thì thi thoảng xuống mức thường thường bậc trung, nhưng chỗ này chỗ kia vẫn lấp lánh những ánh sao băng kỳ diệu. Em về mấy thế kỷ sau lại được lập lại (sau đó thêm một lần nữa thì phải) trong bài *Em Về Ra Sao*. Xin chép:

*Em về mấy thế kỷ sau.*

*Hồn ngân tiết điệu câu chào vọng qua.*

*Em đi lòng độ giang hà.*

*Cỏ mùa thu mọc chóng già chọt non.*

A, cái tứ thơ lạ, em về nhưng lại mấy thế kỷ sau, tại sao hở em?

Chỉ nội một năm 1963, Bùi Giáng ra thêm Màu Hoa Trên Ngàn, tức là 5 tập thơ. Thêm vào, Martin Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại I và II, rồi Sao Gọi Là Không Có Triết Học Heidegger, là hai cuốn sách lý luận biên khảo. Và chỉ một năm thôi, là thừa cho một đời văn: anh đã để dấu

án Bùi Giáng trong văn học và thi ca. Từ 1955 đến 1975, Giáng viết khoảng 46 (47?) tác phẩm, đủ thể loại, từ sách Giáo Khoa đến Dịch Thuật. Sau 75, anh không sung sức như trước, nhưng thơ anh thấm thía trạnh lòng hơn, và cũng hoài nghi hơn, đôi khi có chút uỷ mị chua xót, nhưng gì thì gì, vẫn ngộ nghĩnh. Tôi chép ba bài tôi cảm:

## **Bao giờ**

*Bằng bút chì đen  
Tôi chép bài thơ  
Trên tường vôi trắng  
Bằng bút chì trắng  
Tôi chép bài thơ  
Trên lá lục hồng  
Bằng cục than hồng  
Tôi đốt bài thơ  
Từng phút từng giờ  
Tôi cười tôi khóc băng quơ  
Người nghe cười khóc có ngờ chi không  
Một đời  
Một đời đâu chốn đâu nơi  
Đâu người đi kẻ ở đời đâu đâu  
Em đi từ tỉnh mộng đầu  
Một mình anh ở mang sầu trăm năm  
Em từ vô tận xa xăm  
Trùng lai chất vấn: từ trăm năm nào?  
Gió  
Gió qua đồi núi cheo leo  
Gió chào em Mọi bên đèo đầu truông  
Giữa đèo rớt cuộc một muôn  
Bên giòng suối mát cõi truông ngòi chơi  
Nhân vì có việc qua đồi  
Thấy em xinh đẹp tôi ngòi ngắm em  
Thế rồi công việc bỏ quên  
Chỉ còn có biết ngắm em thôi mà  
Về sau khắp bến giang hà  
Nơi nào cũng thấy ngọc ngà đèo truông*

Phải nói, bài Bao Giờ hay, có chất Apollinaire, một nhà thơ người Pháp Giáng trân trọng. Bài Một Đời trung trung, được câu chót, bất ngờ, nâng cấp bài thơ lên một tầng siêu hình. Bài chót, Gió, mới đọc thì thường, quá thường, loại thơ kể chuyện. Nhưng không hiểu sao nó ám ảnh. Em Mọi man sơ nay thay những kiều nữ môi son má phấn Kim Cương, Malyn MốngLò, Bizít Bãđô? Sao thế nhỉ? Thơ lại thơ thời, hân hoan, giản dị, thực thà, ngộ nghĩnh và trẻ thơ. Nhất là vào những phút cuối đời! Sao trẻ thơ được thế nhỉ?

Sống như thơ thì mới làm thơ được!

Nhưng sống thế nào là sống như thơ, anh Giáng? Khà khà, là sống, thế thôi. Sống như anh là lang thang phiêu bạt, không cứ sở để cứ bàng hoàng nổi niềm cố quận. Chẳng danh chẳng lợi, ôi chuyện phù hoa. Không quá khứ không vị lai, tại thế phải ngay đây, chốn này, tức thì, quyết liệt từng giây từng phút tồn lưu. Chân thành với cả hư vô và hữu thể, tránh màu mè uốn éo giả dạng này kia. Thôi ảo vọng, nhận mặt cuộc phù sinh như bạn đời chẵn gối, và gối chẵn là sao trời là huyền mộng ta gán cho cô em cái tên để thành hiện thực màu nhiệm lung linh...



Thế thôi sao? Quay hỏi tiểu đồng, sao mặt mũi ông thâm tím thế? Tiểu đồng đáp, ông zô hẻm, lộn đầu trồng cây chuối chống đít lên trời đi bằng tay, bên trên hẻm có căng biểu ngữ nền đỏ chữ vàng, kẻ "Không có gì quý bằng độc lập tự do...". Công an kêu, ông tỉnh bơ. Nó chặn nó uỳnh, uỳnh xong ông lại lộn đầu chống đít đi ra. Nó biểu, chống chính quyền hả. Ông cười. Lại bị uỳnh, lần này lét không nổi. Người bầm dập, mang về bóp thuốc, chưa khỏi thời ông lại tới con hẻm, bắt đèn, *đòi quyền sống*. Sống thế, cũng là sống như thơ à? Tức phải trung thực. Phải tự do, tự do tuyệt đối, bất kể bất cứ quyền lực nào vây bủa o ép, sẵn sàng sống chết đổi lấy một thứ giá trị người đời cho là trừu tượng viễn vông...

Có phải có thể thì mới sống với và bằng những con chữ mà không mang thân phận mang kẻ bắt lực chặn chiếu đang gượng leo lên giường rồi quay mặt không dám nhìn bà sồn sồn quyền thế nằm ngửa dạng chân? Khi Tố Hữu leo đến tuyệt đỉnh quyền lực, anh em văn nghệ kể, Bùi Giáng đến trước số 160 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, giữa trưa rêu, ông Lành ơi, ông làm chi mà chúng nó đày đọa văn chương thế này? Nghe Giáng gào thét, ai nấy im lặng. Người đứng, đứng yên. Người ngồi, ngồi yên. Nhột và ngọt. Giả tăng không hiểu, nhưng chẳng ai dám nhìn vào mặt ai. Chẳng ai xuống mở cổng mời ông vào, rót cho ông chén nước, mặc để ông cứ gào, ông gào như thể chóng chầy chắc sẽ rách toạc cuống cổ.

Một buổi tối năm 88, Trịnh Công Sơn đưa tôi đến chỗ cơi tạm Bùi Giáng, trong một khu vườn nhà cháu ông, một người tôi cũng quen biết. Chúng tôi mới mon men vào, đèn bỗng tắt ngúm. Sơn khe khẽ gọi, anh Giáng ơi, Sơn đây. Đèn lại bật. Sơn hả? Bùi Giáng đẩy cửa, thơm tạt, sạch sẽ, thậm chí đom đóm, áo quần râu tóc trắng tinh. Chiếc màn buông quanh chiếu, cũng trắng, và thoang thoang trong không gian là mùi hương mới đốt. Bùi Giáng không điên như người đời tưởng. Anh điên cách của anh, có chọn lựa và rất ý thức. Anh dịch lời Pascal, người ta vốn điên, điên một cách thiết yếu đến nỗi không điên cũng là điên theo một lối khác. Và nói cho cùng, Nietzsche điên, Heidegger điên, Hölderlin điên... Trang điên, Lão điên, Thích Ca cũng điên... Thì anh, kẻ nòi tinh đến sau, muốn về nơi họ chắc không điên chẳng được. Và khi anh tỉnh, rất uyên bác với một trí nhớ kinh điển khủng khiếp, thì ai mới là những người điên nhỉ? Năm đó, lần cuối tôi gặp anh là dịp ta cùng gặp Trần Dần. Cũng lần cuối.

Trở về chuyện Bùi Giáng, huyền thoại sống. Thiên hạ bốn phương cần huyền thoại vì phải chẳng sống như thơ là một nhu cầu hằng tưởng nhưng bất khả đạt? Vì trung thực là một tất yếu của cuộc tồn sinh? Tự do, sự sống còn của tồn thể? Và nghịch ngợm, hóm hỉnh, hân hoan là cái hạnh phúc tồn hoạt. Nhưng những cái tồn (nọ, kia) theo chữ Bùi Giáng, ít người biết anh định nói chi. Ngược lại, người người biết anh sống cái gì và sống ra sao. Và có thể anh mới thành huyền thoại. Với bài thơ *Gió và cô em Mọi*, anh hoàn nguyên chất trẻ thơ. Anh thật may: trung niên thi sĩ gằm gừ tác phong mãnh hổ đã hoá thân ra đứa trẻ lúc cuối đời là giấc mơ của Nietzsche. Hình ảnh Bùi Giáng áo quần chẳng đụp đủ màu như một lão đạo sư ngẫu nhiên trên đỉnh ảo một đời thơ không là huyền thoại. Anh thực sự có đó khi xưa, và vẫn đây trong tâm tưởng tôi bây giờ, với nụ cười móm mém hiền hòa, ánh mắt tinh quái nhưng dịu dàng. Câu anh thốt, sống như thơ thì mới làm thơ được, vẫn đâu đó theo tôi đằng đằng một thời.

Cứ nhớ bạn, lại mất ngủ. Nhớ anh, lại nhớ Sơn và căn vườn treo phố Duy Tân. Nhớ ánh nắng xế trưa hoe vàng đậu trên những tàn lá cây me dưới cái màu xanh ngấn ngát của trời cao độ lượng. Bây giờ, đêm ở đây. Tôi lục lại dăm tấm ảnh, mấy bức thư còn ấp chút hương xưa một thời quá vắng. Một mảnh giấy nhỏ xíu màu vàng rơi xuống. Không phải lá mùa thu, dấu ngoài kia, trời đã lạnh và rừng phong cạnh nhà đang chuyển sang màu đỏ.

Mảnh giấy đeo bông hai hàng chữ nguệch ngoạc :

*Người đâu gặp Búi Giáng Bùi*

*Hỏi thiên thu, gió, buồn vui những gì?*

Xin chào, anh Bùi Giáng. *Mùa Xuân phía trước miên trường phía sau.* Rồi sẽ một ngày tái ngộ, hẳn thế. Với anh, với bạn bè và những kẻ nòi tình.

*gửi BG, 5 năm khuất mặt*

## Buổi sáng Thị Ngạn Am Nguyễn Đạt

Căn phòng đầu tiên, phía tay trái, khi vừa hết những bậc cấp dẫn lên tầng trên của một dãy phòng ốc trong chùa Già Lam, đây là am của thượng tọa Tuệ Sỹ, được đặt tên là Thị Ngạn Am. Là Bờ. Hồi đầu thị ngạn, quay đầu nhìn vào là bờ. Nhìn thẳng vào tâm mình. Trực chỉ nhân tâm / Kiến tánh thành Phật.

Đã nhiều ngày tháng, cứ chiều chiều, tôi tới thăm, uống trà cùng thầy Tuệ Sỹ, ở ngoài hiên sau của Thị Ngạn Am, nhìn xuống khoảnh vườn trước đây là khoảnh đất trống có vài ngôi mộ cổ. Hiên nhiên thầy là vị tu sĩ khả kính như mọi người đã biết, nhà Phật học uyên bác có một không hai, như Bùi Giáng từng bảo vậy. Và người thi sĩ độc đáo nhất Việt Nam còn viết trong “Đi Vào Cõi Thơ”, thầy Tuệ Sỹ là một nhà thơ vô cùng uyên áo. (Tôi không nhớ rõ nguyên văn, nên tạm nói ý Bùi Giáng như vậy.) Và tôi cũng thấy như Bùi Giáng, rằng điểm căn cốt ở vị tu sĩ khả kính, chính là: Tuệ Sỹ, một nhà thơ. Đến thăm thầy Tuệ Sỹ buổi sáng này, tôi nghe thầy nhắc tới một bài viết của Nguyễn Đình Toàn trên báo hải ngoại. Bài viết có ý nói rằng, hình như Tuệ Sỹ là một nhà thơ ẩn trong một nhà tu. Thầy Tuệ Sỹ nhắc tới ý đó của Nguyễn Đình Toàn, với niềm vui hiện rõ trên gương mặt. Nên, từ bấy lâu nay tới thăm thầy Tuệ Sỹ, thực chất là tôi tới thăm một người bạn văn nghệ, đặc biệt ở chỗ tôi gọi là nhà thơ là “thầy” một cách đầy kính yêu, thân thiết. Một nhà thơ sống ở nơi gọi là “Thị Ngạn Am”. Quá nhiều những buổi chiều “trà đạo” cùng thầy Tuệ Sỹ, một người từng bị cộng sản lên án tử hình, rồi bị giam giữ suốt quãng đời tuổi trẻ trong lao tù...

Nhưng buổi sáng này...

Nhìn lên vách tường Thị Ngạn Am treo trang giấy viết hai dòng thơ bằng chữ Nôm rất đẹp, thơ của Thị Ngạn (tức thầy Tuệ Sỹ), tôi xin thầy Tuệ Sỹ một bản chép lại để mang về. Thầy Tuệ Sỹ vui vẻ thực hiện ngay. Trải trên sàn gạch tờ giấy có in ba chữ “Thị Ngạn Am” ở đầu, thầy Tuệ Sỹ gò lưng như một ông đồ thưở xưa, nắn nót viết câu thơ Thị Ngạn bằng chữ Nôm: *Năm chầy đá ngủ lòng khe / Lưng trời cánh hạc đi về hoàng hôn.*

Nhưng buổi sáng này...

Tôi chẳng nhớ lúc ấy tâm trạng mình ra sao, đạp xe trên những con đường qua thị trấn. Tới nhà ga, quẹo vào. Quẹo xe, liền nhớ một câu thơ Viên Linh: *À xe ta quẹo lối này.* Vào nhà ga, tức thời nhớ hai câu thơ Bùi Giáng: *Môi cười ở cuối sân ga / Phở là cố quận nay là tiễn nhau.* Thi ca thần diệu thật, tôi vừa nhớ tới Bùi Giáng thì tôi nghe tiếng hét, ông Bùi Giáng kêu tên tôi: *Dã quý đại ca!* Ông Bùi Giáng xách bị tới nhà ga Thủ Đức. Ông Bùi Giáng lúc nào cũng mang theo cái bị, nó là cái bao tải bán thịt, tôi chưa từng hỏi ông đựng những gì trong đó, ông cũng chưa từng tiết lộ mình đựng những gì trong đó. Có một lần tôi biết trong cái bao tải có chó con, không biết là mấy con, nghe tiếng chúng kêu, rên âm ỹ. Tôi hỏi ông, có mấy con trong cái bao, ông nói quên chưa đếm, cũng may sau đó ông không trút ra để đếm.

Lần này ông Bùi Giáng tiết lộ: “Có một bao thuốc lá Điện Biên trong bị đây, đại ca cùng trẫm ga bán lại cho hàng thuốc lá nào đó, lấy tiền uống rượu.”

Ông Bùi Giáng đi bộ, vai mang cái bị. Tôi cũng đi bộ, tay dắt cái xe đạp, nó cũ kỹ xộc xệch, không chở đôi được. Chúng tôi đi mời chào gạ bán bao thuốc lá Điện Biên cùng khắp dọc đường từ Thủ Đức về Bình Triệu chẳng ai mua. Ông Bùi Giáng bảo: “Đại ca chớ buồn, mà phải vui. Không ai mua thuốc lá Điện Biên, vì đây là thuốc lá Việt cộng, dân chúng tấy chạy thuốc lá Việt cộng.” Ông Bùi Giáng cùng ngồi xuống với tôi, trên lề đường, phía ngoài nhà ga Bình Triệu, chắc hẳn đôi chân ông cũng rã mỏi như đôi chân tôi. Ấy tuy nhiên, sau lưng hai người là một nhà ga, cuối sân ga có nụ cười.

\*\*\*

Sau đó nữa, tôi gặp Vi Diệu, trong một hiệu sách quốc doanh gọi là Hiệu Sách Nhân Dân. Tôi vào đó để mua bộ sách Lê-nin toàn tập, gồm mấy chục cuốn, giấy trắng mịn mỏng như giấy sách Kinh Thánh, những người mua giấy cần kíp trả giá rất cao, gấp nhiều chục lần giá mua từ hiệu sách nhân dân. Với tiền bán bộ sách này, tôi có thể chi tiêu rộng rãi cả tháng, nên tôi cố mua cho bằng được. Những người phụ trách bán sách ở các hiệu sách nhân dân tại Sài Gòn đều biết vụ việc đó, nên họ chỉ bán cho những ai có giấy giới thiệu của ngành văn hóa thông tin. Cái giấy quý giá này, thỉnh thoảng tôi mới xoay xở được.

Tôi vào Hiệu Sách Nhân Dân ở con phố gần nhà, nhà của cha mẹ, xem còn bộ sách Lê-nin toàn tập nào không. Nếu còn, tôi sẽ đi xoay xở giấy giới thiệu. Cô gái đứng sau quầy thu hút tôi ngay lập tức. Cô hơi cúi đầu xuống, đọc sách gì đấy, tóc thả hai bên khuôn mặt thanh tú trong trẻo. Dáng người thanh mảnh càng thêm vẻ rét mướt cao nguyên, cô gái thu mình thêm cho sự tập trung đọc sách. Thay vì hỏi về bộ sách *Lê-nin toàn tập*, tôi hỏi cô đang đọc cuốn sách gì.

Cô gái mỉm cười, nâng cuốn sách cho tôi thấy bìa sách: *Ngàn Thu Rớt Hột*.

Tôi bắt chuyện dễ dàng, nói về Bùi Giáng, cả về thơ lẫn về người. Tất nhiên sau đó tôi biết tên cô gái, Nguyễn Thị Xuân Diệu. “Chắc ba hay má cô thích thơ Xuân Diệu?” Cô gái lại mỉm cười, nói: “Có lẽ ba tôi chỉ thích cái tên đó, đặt tên cho tôi, trùng tên nhà thơ Xuân Diệu mà thôi.” “Còn cô có thích thơ Xuân Diệu?” Cô gái cười thành tiếng nhỏ, rằng thật đẹp, có một chiếc răng khểnh, “Có lẽ tôi thích thơ Xuân Diệu nhiều hơn vì cái tên chứ không phải vì thơ Xuân Diệu.”

Tôi nhìn xuống mặt quầy, một bàn tay cô gái úp trên trang sách, những đường gân xanh hiện rõ. Tôi hỏi cô đọc thơ Bùi Giáng nhiều không, cô nói: “Tôi đọc thơ Bùi Giáng từ hồi học ở Đại học Vạn Hạnh. Hồi đó vẫn thường thấy ông Bùi Giáng với cái bị.”

Tôi kể chuyện ông Bùi Giáng gạ bán bao thuốc lá Điện Biên để lấy tiền uống rượu, cô gái hỏi: “Thế anh cũng không có tiền à?” “Thỉnh thoảng cũng có. Chẳng hạn khi nào có giấy giới thiệu mua *Lê-nin toàn tập*.” Cô gái nhìn tôi, cái nhìn lo lắng, “Bây giờ anh có giấy giới thiệu không?” Tôi lắc đầu, nói: “Khó là cái giấy giới thiệu.” Cô gái nghĩ ngợi một chút, nói: “Thế anh có tiền lấy bộ sách này không?” “Chẳng lẽ lại không có!” Cô gái bán cho tôi bộ sách *Lê-nin toàn tập* không cần giấy giới thiệu.

\*\*\*

Tôi lại gặp ông Bùi Giáng, dĩ nhiên lại gặp cả cái bị, ở khu vực Viện Hóa Đạo cũ, một vài ngày sau khi tôi có tiền rủng rỉnh vì *Lê-nin toàn tập*. Ông vận chiếc áo khoác rất đẹp, ông nói của Công Thế Cường ở Mỹ về tặng. Tôi biết Công Thế Cường, một chàng rất đẹp trai, làm ở ngành ngoại giao thời tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, nghĩa là một chàng bảnh bao trăm phần trăm, chiếc áo khoác chàng tặng nhà thơ đẹp như xứ sở Hoa Kỳ.

Ông Bùi Giáng nhìn tôi, ánh mắt sáng lên một vẻ điên dại, “Chớ nhà người tưởng ta vận áo đẹp khơi khơi như vậy hả? Đi với ta, tới gặp một trang quốc sắc.”

Ông dẫn tôi tới con phố nhỏ hẹp, đường Trần Văn Văn cũ, dừng lại trước một căn nhà nhỏ, cửa sắt đang đóng. Ông đặt cái bị xuống, mở cửa sắt, tiếng kêu rít vang lên, ông đứng giữa chỗ trống, ngang tàng như một hiệp sĩ thời Trung Cổ.

Cô gái đẹp, tôi cho rằng chỉ có khuyết điểm là vẻ mũm mĩm, và một vẻ tươi thắm quá tràn đầy, ông Bùi Giáng giới thiệu cô gái là Người Đẹp Hồng Ngự. Tôi liền nhớ tới (Nguyễn Thị) Xuân Diệu, quyết định sẽ dẫn ông Bùi Giáng tới, ngay sau khi rời nhà người đẹp Hồng Ngự. (Nguyễn Thị) Xuân Diệu bối rối khi gặp nhà thơ Bùi Giáng bằng xương bằng thịt. Ông Bùi Giáng hỏi chuyện giọng oang oang, cô gái trả lời lí nhí trong cổ họng. Nhà thơ xé bao thuốc lá, lấy miếng giấy bạc bên trong, viết hai dòng thơ tặng: *Gọi là Vi Diệu cô nương / Mùa Xuân hương sắc xin nhường cả hai.*

Những ngày sau đó tôi tới thường xuyên, gần như ngày nào cũng tới Hiệu Sách Nhân Dân, không phải để rình mua bộ sách *Lê-nin toàn tập*, mà chỉ để gặp Vi Diệu, bởi từ lúc này, như thơ ông Bùi Giáng viết tặng cô (Nguyễn Thị) Xuân Diệu, cô là Vi Diệu của đời tôi. Cô luôn đứng sau quầy, tôi đứng trước quầy, một khoảng cách quá thân mật cho hai người đối diện thì thầm. Ấy tuy nhiên, dù đã thân thiết, dù tôi rất muốn nắm bàn tay gầy guộc nổi gân xanh của Vi Diệu, vẫn chưa một lần tôi chạm tới. Có một lần, chợt nhìn thấy một bàn chân của Vi Diệu phía dưới quầy, tôi thảm cảm ơn cái quầy hồng, không che kín sát đất, bàn chân ấy đặt trên chiếc hài, tôi rút chân tôi ra khỏi giày, đặt bàn chân ấy lên chân Vi Diệu.

Cô vội rút chân ra khỏi chân tôi, im lặng một lúc, hỏi tôi: “Anh có đọc truyện *Mối Tình Chân* của Nhất Linh rồi chứ?”

Một ngày sau đó không lâu, tôi không muốn nhớ: Vi Diệu cho tôi biết, cô đã đính hôn. Anh Phan Đình Mỹ Kim, và tôi được ai đấy cho biết, anh Kim sắp đi Mỹ, diện HO, bởi là con của ông tướng Lam Sơn - Phan Đình Thứ. Trước ngày thành hôn với con ông tướng Lam Sơn, Vi Diệu nói trả lại những gì tôi đã viết gửi cô, chỉ giữ lại miếng giấy bạc trong bao thuốc lá của ông Bùi Giáng. Tất nhiên tôi chẳng cầm lại những thứ ấy làm quái gì, tôi nói Vi Diệu muốn liệm đi đâu thì liệm. Vi Diệu nói: “Tôi không thể liệm đi được. Anh không chịu nhận lại, muốn tôi đốt thành tro rồi uống phải không?”

Tôi nói tất nhiên tôi không hề muốn như vậy, tôi chẳng muốn cái gì cả. Muốn như vậy cũng chẳng được, mà có được cũng chẳng để làm gì.

Bây giờ Vi Diệu ở Hoa Kỳ, rất có thể cô đọc báo mạng Tiền Vệ, nghĩa là cô có thể đọc những gì tôi viết ở đây. Anh Phan Đình Mỹ Kim cũng có thể đọc. Nếu thấy chi tiết nào làm anh Kim khó chịu, Vi Diệu hãy nói giùm tôi: Đây là văn truyện của một anh chàng tên là Nguyễn Đạt, muôn đời ở Việt Nam, bạn của cái ông nhà thơ điên Bùi Giáng ấy mà! Mấy ông ấy điên khùng lắm, có gì mà phải chú ý, để tâm...

\*\*\*

Nhưng buổi sáng này...

Nhớ lại nhìn lên vách tường Thị Ngạn Am treo trang giấy viết hai dòng thơ bằng chữ Nôm rất đẹp, thơ của Thị Ngạn. Rồi thầy Tuệ Sỹ gò lưng như một ông đồ thờ xưa, nắn nót viết câu thơ Thị Ngạn bằng chữ Nôm: *Năm chầy đá ngủ lòng khe / Lưng trời cánh hạc đi về hoàng hôn.*

## Bùi Giáng viết về thi sĩ Đinh Hùng

Con người nguyên thủy, ta không rõ tâm tình họ như thế nào. Đứng trước những quyền lực thiên nhiên, những bão giông sấm chớp, nhìn lại phận thân mình, họ khùng khiếp kinh hoàng, hay là hồn nhiên chấp nhận? Nhìn xác đồng loại bị rắn độc cắn, hoặc bị cọp beo vồ nát, họ rú lên những âm thanh hãi hùng như thế nào, ta không hình dung nổi. Những đêm đông mưa bão rét buốt, ẩn thân trong những hang đá lạnh lẽo, họ suy gẫm những gì về kiếp sống phù du của mình? Họ không được che chở trước trời đất. Đời sống vật chất cũng như tinh thần, đều hoàn toàn phó thác cho hiểm họa điều mang. Không một đức lý, triết lý nhân sinh vũ trụ

nào che chở linh hồn họ. Không một thánh hiền nào thiết lập một Hình Nhi Hạ để cho chui vào nằm yên ổn giữa cương thường.

Ngày nay, con người có được nhiều chốn “nuơng tựa”. Rượu đế, la de, cà phê, khiêu vũ, cine... Nếu những thứ đó không còn chi cám dỗ nữa, thì con người chạy đi đào sâu những hang hốc siêu hình, tồn thể, hết đào hang xuống tận ruột rà trái đất, lại đào hang lên khắp cõi thanh thiên. Hoặc chạy ra đại hải đuổi theo cá vô hình của trùng khơi. Hoặc chạy vào sa mạc, đuổi theo con chim vô dạng của hư vô. Rồi vẽ vờ bao nhiêu luyến tiếc, chờ mong, hoài vọng, thiên hình vạn trạng để che lấp khoảng trống vắng dị thường của phù sinh huu huyền. Rồi cuộc vẫn đối diện với cái khối lù lù bất khả tư nghị do Tử Thần dựng lên ở giữa đường. Cái khối dị dạng nọ quả thật gây cản khôn hàn. Xua đuổi nó không được. Trừ khử nó không tan. Thôi đành ôm chầm lấy nó ve vuốt mà bảo rằng: - Tử Thần ôi! Em chính là Lẽ Sống của ta. Ta sống bao nhiêu tuế nguyệt lao đao lận đận, là chỉ cốt để thành tựu đời mình trong cái Chết Thơ Ngây Man mác. Ta ôm lấy em và cảm thấy ấm cúng vô song. \_ Tử Thần ạ, lại gần đây đối mặt! Trao bàn tay cho ta nắm bên miềm...

Đó là một lối tự dối mình vậy. Tô son phết phấn vào khuôn mặt Tử Thần, kể cũng là điều thiếu não lòng người bấy nay. Mà kể ra, suốt bình sinh, con người ta đeo bám vào những thứ gọi là văn minh, tiến bộ, gây dựng nên những thứ gọi là công nghiệp lưu tồn, chẳng qua cũng là một cách tự dối mình đầy thôi.

Đonh Hùng Mê Hồn Ca muốn nhảy vọt một trận, trút bỏ hết mọi thứ “quà” của văn minh gạt gẫm, đi giữa thế kỷ hai mươi, ông muốn sống lại tâm tình ngư ông nguyên thủy. Ông muốn mang linh hồn nguyên thủy về đối diện với xã hội văn minh. Ông muốn từ khước hết mọi thứ xây dựng êm ấm của xã hội văn minh, muốn trơn trượt gào kêu giữa lạnh lùng vạn vật.

*Chúng ta khóc như một bầy thú dữ  
Lòng đã man nghe trái đất tan tành*

Trái đất chưa tan tành, nhưng liên miềm như đang tan tành, vì kể từ nguyên thủy, linh hồn con người và thể xác con người đã nối đuôi nhau tan tành giữa vạn vật. Và mọi cuộc xây dựng chân chính nào của con người, rồi cuộc vẫn như oái oăm góp phần thêm vào mọi thứ tàn phá ở mọi bình diện.

Người thi sĩ thâm cảm sự tình éo le đó trong tuổi xuân xanh, và nỗi phần nộ không sao dập tắt được. Không còn tìm đâu ra con đường “phục vụ”. Mọi cố gắng giữa nhân gian, dường như phó thác hết cho điều mang hỗn độn “giữa chợ đời vất vưởng bóng sầu nhân... “ Thì văn minh, thì đức lý, thì thì thì? Phân biệt thị phi, hư thực thế nào? - “Phù dung bên phù thế, cõi nào thực, cõi nào tiêu tao? Hồng phần lẫn hồng trần, đâu đã vì đâu ô trọc?”

Thì tiếng gào thét của con người nguyên thủy trở thành tuyệt đối trắng trợn đã man cho vừa tầm diêu mang của cõi đời hỗn độn:

*Ta lao đảo vùng đứng lên cười ngất  
Ghì chặt nàng cho chết giữa mê ly  
Rồi dầy xéo lên sông núi đô kỳ  
Bên thành quách ta ra tay tàn phá  
Giữa hoang loạn của lâu đài đình tạ  
Ta thân n hiên đi trở lại núi rừng  
Một mặt trời đẫm máu xuống sau lưng*

Nhưng chỉ có thể thét lời ấy trong thơ, và thét một lần. Rồi ân hận tới. Trong cơn đoạn trường, vị “bạo chúa” kia đã nằm thiêm thiếp khóc. Vì cuộc tàn phá kia, chẳng giải tỏa được gì. - “Giết đi hồn nguyệt hoa chiều chiều? Giết đi cả dáng diễm kiều của xuân?” Tàn phá trong tưởng tượng xong một trận, lại tha thiết nguyện cầu cho nguôi lãng.

*Đi vào mộng những Sơn Thần yên ngủ  
Em! kìa em! đừng gọi thức hư không  
Hãy quỳ xuống đọc bài kinh ái mộ  
Hồn ta đây thành tượng giữa Vô Cùng*

Toàn tập Mê Hồn Ca, văng lên một tiếng hét và một lời than. Tiếng hét của bạo động, của phản kháng, và lời than của ân hận nguyện cầu. Tiếng hét đạt tới chỗ cuồng loạn thống thiết nhất. Lời than cũng thâm sâu xa nhất.

Tiếng hét và lời than trầm thống của Đinh Hùng “Sầu trong tà dục, vui ngoài thiện tâm” dội lên song song với Hàn Mặc Tử, mở ra cuốn sổ đoạn trường của con người thế kỷ hai mươi, không còn nơi cư trú. Cuốn sổ đoạn trường mở ra như thế để làm gì? Không biết. Không biết. Nhưng cuộc mở ra nào cũng đi tới một trận khép lại.

Đinh Hùng trong Đường Vào Tình Sử, vốn đã có một lối khép lại của riêng ông sau cái trận Mê Hồn Ca, một lối “dùng độc dược thử lòng thế tục”. Chúng ta còn có nhiều lối “tịch hạnh” khác. Xin để tùy mỗi người tìm lối riêng của mình.

Ngôn ngữ thơ trong vài thế kỷ này đã nảy nở xum xuê, thiên hình vạn trạng. Hoặc ẩn mật thần bí, hoặc đơn giản như một lời cao dao, thi ca vẫn có sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền nhiệm của cuộc sống. Cuộc sống vừa khủng khiếp, vừa nên thơ, cuộc sống không thể nào đem lý luận một cách máy móc. Luận lý học đã gặt gặm người ta, người ta thi đua nhau tán dóc. Thằng thi sĩ không thể nào nhảy vào vòng luận lý đứ đờn để hơn thua. Nó cảm thấy chán chường khi phải cùng người luận lý bàn luận thị phi. Thà ở để cho bọn họ mặc sức tán hươu tán vượn, ngấm ngấm dùng mọi thủ đoạn để sát hại thi ca và thằng thi sĩ.

Nhưng thằng thi sĩ có tội lỗi gì đâu. Nó chỉ ghi lại một đường trăng tê dại, vẽ lại một màu tuyết lạnh ngắt, một chùm bông ở trên núi chiêm bao đem về làm tặng vật cho con người được rồ dại chịu chơi giữa phù vân hoặc bụi hồng lông lốc. Mở ra những cuộc tình yêu rờn rợn vô thủy vô chung, o bế những cơn mơ tuyệt vọng, thì kẻ cũng hơn o bằng hơn ít mãi những con vợ già cục mịch cần nhân. Đêm tân hôn chỉ có một lần, buổi ly dị cũng chỉ ra tòa một bận, uống rượu li bì cũng có lúc tỉnh ra, chém giết nhau cũng mất công đào huyệt... Chi bằng vớ lấy bài ca mê hồn, thì lúc nào cũng có thể mở trận đảo tứ diên tam, ngang tầm với tứ khuyển ngũ phúc của cuộc thế dâu biển ngục tù. Tuyệt vọng? Thì thà rằng tuyệt vọng với những Kỳ Nữ Chiêm Bao, những Nữ Chúa Thái Cổ, những màu mắt nâu vô ngần của Gái Hải Đảo sơ khai, cũng hơn là tuyệt vọng vì những thiếu phụ đầy đà ngồi trước quầy hàng đếm những đồng tiền dẹt... Một tay đếm tiền, một tay gãi vào chùm lông nách... thì như vậy còn chi là khóí trầm bén giấc mơ tiên? Còn chi là băng khuôn trăng giải qua miền quạnh hiu? Ôi ông Hồ Dzếnh!

*Thơ về nắng sáng lừng bay  
Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra  
Cõi trần vắng tiếng Thiên Nga  
Thơ không tuổi, ý không già: muôn năm  
Gói lên Bắc Đẩu ta nằm  
Nghe rung chân lạ, thơ thần mùi phượng.  
(Hoa Xuân Đất Việt)*

## **Bùi Giáng, hồn thơ bị vây khốn Thanh Tâm Tuyên**

Đối với đa số, Bùi Giáng là một nhà thơ điên. Không nhắc đến bọn tục, bọn tình, bọn khôn suốt cả đời chẳng một giây nào thêm "thơ" đến tuyệt vọng, nói ngay những người quý ông - nhìn



được ông như một thiên tài, thiên tài tự huỷ ghê gớm nhất của thi ca Việt nam hiện đại - nhiều khi cũng né tránh, chẳng dám bước hẳn vào cõi thơ ông, hoặc có bước vào thì cũng theo cái lối "chân trong chân ngoài", "mắt trước mắt sau", cười cợt vui đùa hay nghiêm trọng lố bịch, tưởng như thế là làm thuận ý, vui lòng nhà thơ - người bày trận nghiêm trọng và ta nên chiều người.

Chính thái độ của những kẻ yêu ông, những kẻ ghét ông chẳng đáng nói, càng khiến ông phát "bẩn", càng khiến ông phát "điên" (điên tiết), càng khiến nhà thơ thêm lạc lõng, "một mình một cõi", càng đẩy ông tới chốn hoang vu bờ bãi, chơi với mọi với beo, với gấu, với châu chấu, chuồn chuồn.

Không. Bùi Giáng không điên. Ông là một nhà thơ sáng suốt, cực kỳ. Ông là một nhà thơ "ngộ". Đừng hiểu chữ "ngộ" trong cái nghĩa đơn giản của đạo giáo, Bùi Giáng sẽ nhăn mặt nổi quạu, ông có thể sẽ tông cửa chạy tuốt xuống Biên Hoà ngay lập tức. Hãy để cho tiếng ấy "phiêu bồng" từ Nam chí Bắc qua mọi nghĩa có thể có: (ngộ đại, giả ngộ, ngộ quá ta, ngộ ngộ, ngộ không, ngộ nhận, ngộ độc...)

Từ buổi đầu Bùi Giáng đã nói :

Tôi chấp thuận trăm lần trong thổn thức  
Tôi bàng hoàng hốt hoảng những đêm đêm  
Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt  
Tôi đui mù cho thoả dạ yêu em  
Tôi tự nguyện sẽ một lòng chung thủy  
Qua những lần buồn tủi giữa đảo điên  
Thân xương máu đã đành là uỷ mị  
Thì xin em cùng lên thác xuống ghềnh

Em đừng mãi chịu sào có vũng  
Bàn tay bưng đĩa muối có chám gừng  
Tôi đã nguyện yêu trần gian nguyện vẹn  
Hết tâm hồn và hết cả da xương  
Xin yêu mãi mãi và yêu nhau mãi  
Trần gian ôi! cánh bướm cánh chuồn chuồn  
Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại  
Con vi trùng sâu bọ cũng yêu luôn.

Còn ở lại một ngày còn yêu mãi  
Còn một đêm còn thở dưới trăng sao  
Thì cánh mộng còn tung lên không ngại  
Núi trời xanh tay với kiếng chân cao.  
(Phụng Hiến)

Bùi Giáng đó, Bùi Giáng của Mưa Nguồn "bát ngát" mặc dù những "đảo điên" không ngớt, còn nguyên vẹn đến giờ nếu chúng ta gặp Ông đúng lúc.

\*

Muốn gặp Bùi Giáng hãy ngao du theo dấu chân Ông để lại, hãy đánh mắt mình trong cuộc Lữ, hãy chịu cuồng si để sáng suốt. Nghĩa là hãy "thơ mộng" như Ông.  
Chẳng khó khăn lắm đâu.

Hầu như Ông đã mở sẵn những cửa mời gọi kẻ đồng điệu.

"Thơ là cái gì không thể bàn tới, không thể dịch, diễn gì được. Người ta có thể diễn tả một trận mưa rào bằng lời thơ. Thì có lẽ muốn diễn tả một bài thơ, người ta chỉ có thể phát động một trận mưa rào, hoặc một cơn gió thu. Mà muốn thực hiện sự đó, thì ngoài việc làm thơ ra, con người không còn phép gì khác. Thế có nghĩa là: muốn bàn tới thơ, diễn dịch thơ, người ta chỉ có thể làm một bài thơ khác. Người xưa am hiểu sự đó, nên họ chỉ vịnh thơ, chứ không bao giờ

điên rồ gì mà luận bàn về thơ. Người đời nay trái lại, họ buộc phải luận thơ có mạch lạc luân lý, không được "bốc đồng" vịnh lãng nhăng. Cái chỗ ngu si đó là điều bất khả tư nghị vậy."

"Thơ tôi làm (...) trong mấy cuốn thơ của tôi chỉ là một cách đi ba đào về chân trời khác.

Đi vào giữa trung tâm bão dông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức.

Tôi gạ gẫm với châu chấu, chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cách tay mỏng bay đi. Bay về Tử Trúc Lâm bay về Sương Hy Lạp, ghé Calvaire viển thẳm một vong hồn bát ngát, rồi quay trở về đồng rộng, làm mục tử chăn trâu. Làm mục tử không xong bỏ trâu bò chạy lạc, phá phách mùa màng, khoai sắn, thì tôi chạy về bám báo với ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một phút giây trong linh hồn bao dung phương trượng. Ni cô xua đuổi tôi thì tôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ dại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao thơ về lãng đãng thì từ đó vẩn bất tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao..."

"Hãy để yên cho tôi điên tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có bàn đến thơ tôi. Tôi không dám si mê, cũng không dám hoài vọng. Một mai tôi chết. Nghĩa là tôi không còn sống. Tôi sống trong cơn dại cơn điên. Tôi làm thơ trong cơn điên cơn dại. Nghĩa là tôi chết hai ba lần trong trận sống... Người yêu đừng bèn mắng đến, bạn bè hãy đi xa. Để tôi một mình tha hồ tôi điên tôi dại. Ai có đến gần thì hãy thử điên dại cho như tôi..."

"...Ông Whitman ôi. Tại hạ làm thơ nửa phần giống thơ ông, nửa phần giống thơ ông Dylan Thomas, nhưng giống theo một thể thái bê bối đười ươi, chứ không có được cái phong độ tiên thiên cốt cách. Vậy bây giờ tôi cố gắng làm một bài thơ rất mực cốt cách tiên thiên để tặng ông chơi một trận. Tuy nhiên càng hì hục bắt chước tiên thiên càng lộ ra cái nét na đười ươi phong thái. Vậy tôi xin ngậm ngùi dừng bút, chẳng dám ký tên dưới tờ thư cay đắng."

Không có ai có thể nói về thơ Bùi Giáng hơn Bùi Giáng, bởi chẳng ai ở đây đã sống thảm họa trần gian thu trong thảm họa thơ hơn ông. "Chán chường thi ca mà cứ làm thơ hoài ấy là đạo vậy".

[Xin chào nhau giữa con đường](#)

[Mùa xuân phía trước miền trường phía sau](#)

Đó là mở phôi hào hứng một thời - như Whitman, "kẻ rờn như ông già bơi đua cùng lũ trẻ và chịu thua lũ trẻ"

[Đường sông bóng đổ cơ trần](#)

[Gắm chông gai ấy ai từng đạp qua](#)

[Ghi môi cơn mộng la đà](#)

[Tiêu giao suốt cõi mù sa trên rừng](#)

[Nửa vời trắng rộng mông lung](#)

[Đường hoa nghi hoặc tháp tùng ni cô](#)

Đây là phiêu bông "thơ dại nhất và sầu u nhất" - như Dylan Thomas.

Whitman kẻ mở, Dylan Thomas kẻ đóng, một chân trời. Kẻ say với "lá cỏ", với "phổ thi", với "ta"; kẻ say với cơn chết, giọt sầu, với huyền hoặc.

\*

Nhưng còn chúng ta? Chúng ta nghĩ gì về thơ ông?

Đừng có nghĩ, hãy buông mặc theo ông, như ông từng buông mặc trong trận đồ kẻ trước. Ông luôn luôn nhắc bảo nơi ông là những bóng vang ai khác. Và ta hãy là bóng vang của ông. Hãy để ông nghĩ cho chúng ta về những gì chúng ta có thể nghĩ tới và cả những gì chúng ta không thể nghĩ tới.

"Chúng ta quen thói ngong ngóng chạy theo đuổi mọi thứ trào lưu chủ nghĩa, chúng ta tuyệt nhiên không còn giữ một chút tinh thể cồn con nào cả để thể hội rằng lục bát Việt Nam là cõi thi ca hoàng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển ba bầy sông hồ."

"Cái thói học đòi vá víu thông thái đã âm thầm giết chết mất máu me thân thể chúng ta. Hết chạy theo đuổi ông Camus, tới chạy theo đít bà Simone Weil, rồi xô ùa chạy theo giò cẳng ông Krishnamurti... Đó chính là cái cõi của lai rai thượng thừa, của bê bối tối hậu. Tới bao giờ mới



chịu đi về giữ áo đười ươi? Hỡi những thằng trung niên thi sĩ, và hỡi những đứa chẳng thi sĩ trung niên..."

"Nghĩ cũng dị kỳ thật. Người Việt nam vốn là người thơ mộng thi sĩ nhất thế giới (chỉ riêng cái màu da vàng Việt nam thôi cũng đã thơ mộng hơn mọi màu da đen hay trắng) thì người Việt nam lại chẳng bao giờ đọc thơ Việt nam, lại luôn luôn chút hết cõi lòng thơ mộng của mình cho những thứ sách vở hủ lậu tạp pí lù ở đâu đâu. Lại chạy đi si mê những da trắng Marilyn, những da đen Phi châu chiêm bao bờ cỏ. Làm bao nhiêu câu thơ thơ mộng lại đem gán hết cho châu chấu chuồn chuồn. Ăn ngữ gì mà đoạn trường ra như thế".

"Những bài thơ chuồn chuồn châu chấu của ông quả thật là có ý nghĩa. Nó bay nhẹ vi vu quá có đúng như là phận mỏng cánh chuồn. Vào những buổi sáng mùa đông lạnh lạnh ở Trung Việt, vào những buổi chiều mùa thu ở Bắc Hà, hình bóng những con chuồn chuồn bay lượn cuối ngõ, đầu xuân, thật là tha thướt. Đôi phen cái tiết điệu riêng biệt ấy cũng còn tái hiện trong đôi vằn phồn hoa, mặc dù ở phồn hoa không bao giờ có chuồn chuồn bay vòng múa lượn". Chúng ta hãy chịu chói lọi trong tan nát giữa trận đồ của Bùi Giáng. Mọi điều Bùi Giáng đều nói, chẳng bao giờ hết, nhưng chẳng thể ngậm miệng, nên chúng ta cứ việc ngậm miệng, si mê và chúng ta sẽ được nghe. Nghe bát ngát, nghe phiêu bồng, nghe tới cõi im ông trốn lảng, lượn vòng.

Đừng tưởng Bùi Giáng điên, cũng đừng tưởng Bùi Giáng rờn, mặc dầu có lần ông tuyên bố là ông thích bày "cuộc vui".

Bùi Giáng là một nhà thơ trầm trọng:

"...Như Lai rờn từ bi, Jesus Christ rờn bác ái, Sophocles rờn trang nhã, Thâm trầm kỳ nguyệt, Euripide rờn ần ần hiện hiện, Ngôạ Long Sinh rờn u rùng, Kim Dung rờn bất tuyệt, Hồ Dzếnh rờn nên thơ chân thiết, Tú Mỡ rờn như đười ươi, Shakespeare rờn như Phượng Hoàng, Nietzsche rờn tan tành xương máu, Gide rờn lúc giặt lúc buông lúc chùng lúc thẳng, Tô Man Thu rờn não nùng đốt cháy máu tim."

Còn Bùi Giáng?

"Nhe răng cười trong bóng tối... Không bao giờ bắt chuồn chuồn và cứ bảo rằng mình luôn luôn bắt chuồn chuồn... Không thiết chi đọc sách mà vẫn cặm cụi đọc sách hoài... Suốt năm khắc khoải loay hoay mà tự cho mình thanh thoát phiêu bồng... Chán chường thi ca mà cứ làm thơ hoài, đêm tối trần gian đau đớn vô cùng mà vẫn bảo rằng trần gian lộng lẫy... chúc sầu vạn đại thì bảo rằng mua vui cũng được một vài trống canh..."

Rờn trầm trọng là Bùi Giáng, rờn đầy thảm họa, rờn khắp mặt thế giới như Tôn Ngộ Không - Ngộ Không nhảy trên bàn tay của Quan Âm (Quan Âm biến thành Phùng Khánh, Trì Hải, Marilyn, Brigitte, Kim Cương, ba cô mọi bên bờ Phi Châu...) chỉ vì "Người tư tưởng không còn dám viết gì về tư tưởng nữa."

Bởi rờn trầm trọng nên:

"Chúng ta phải để cho thơ Xuân Diệu rúc vào trong tuỷ xương mình. Vì y đủ thói bông lông thắm thiết của con người thượng đạt. Y trẻ dại, y lẳng nhặng, y nói tới nỗi đời rồi y xoá đa đoan đầu biển. Y hồn nhiên giữ áo, nắm lấy cung cầm Tăng Đĩnh đánh lên giữa mùa Xuân..."

Nói vậy nhưng Bùi Giáng chẳng bao giờ là Xuân Diệu. "Tây Phương, Đông Phương cổ kim không có một nguồn thơ sánh kịp". Cứ chịu khó theo ông "đi vào cõi thơ", đi vào "thi ca tư tưởng" mà nghe ông bình thơ, mà nghe ông "Ngàn thu rớt hột" nghe "Sa mạc trường ca". Và hãy nhớ lời dặn dò này:

"Đi vào cõi tư tưởng, chúng ta luôn luôn phải lưu ý tới cái lối ăn nói nghịch lý của người tư tưởng. Họ nói một đường để ta suy ra một ngã."

Sở dĩ Bùi Giáng trầm trọng, bởi nơi ông cả cái kiếp họa của thơ đang diễn: hồn thơ đang bị vây khốn. Bị vây khốn bởi "tư tưởng", bởi "văn". Thơ muốn bay thoát, chấp chới như những cánh

chuồn chuồn giữa trời. Nhưng đâu là tổ chuồn chuồn đây? Nào ai biết. Bùi Giáng cố muốn biết, cố săn đuổi tới cùng.

Nhưng chuồn chuồn báo hiệu trời sắp mưa. Một trận mưa nguồn thuở cũ, Bùi Giáng mơ màng chẳng? Ông Bùi Giáng ơi, Tang Phượng đâu? Trang Phượng đâu? Sau trận mưa nguồn kiếm nàng giáp cúng trận đồ ông chẳng thấy. Chỉ thấy trở đi trở lại hoài đây đó hai câu của Hồ Dzếnh:

Thơ về nắng sáng lừng bay

Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra.

Đến đây coi như tạm đủ, nói thêm đến bao nhiêu nữa rồi cũng vẫn là tạm. Tạm với Bùi Giáng. Tạm với chúng ta. Tạm hết.

Chỉ mong một lúc nào bạn "ngộ" cỡi thơ kia.

"Đi vào cỡi thơ". Thế nghĩa là? Có một cỡi và một cuộc đi, cuộc đi có nhiều thể thái. Có thể đi theo lối chu du của ông Khổng Tử. Có thể đi theo lối ngồi yên không rục rịch suốt bao nhiêu diên trường tuế nguyệt dưới một gốc cây bồ đề theo lối Như Lai. Cũng có thể đi theo lối anh lừa bò vào đồi sim trái chín..."

"Đi như vậy dù sao thì dù, cũng là trong ý hướng mở cỡi ra chơi. Không ai buộc ai phải theo ý riêng độc đoán của ai."

"Anh lừa bò vào đồi sim trái chín? Một mặt anh lưu tâm đến trái chiếu cổ cho những con bò, đừng để chúng lạc lối vào sâu trong rú rậm rồi mất lối trở ra... Anh thông dong ngồi xuống một gốc cây sim. Anh có thể chọn một gốc cây sim già, hoặc sim trẻ, hoặc một cây sim sử lịch nào vốn đã từng chứng giám một u tình của một Hoàng hậu Phèdre xưa kia."

"Rồi anh dần dần mở cỡi. Đã gọi là mở cỡi thì chẳng nên khép miềm. Nghĩa là... tránh cái lối bùng bít..."

"Đó là điều kiện cần và đủ, không ai buộc ai phải đi qua miềm bạc bình sinh."

"Ta ngồi dưới gốc cây sim, lắng tai nghe bò đương gặm cỏ, thông dong đưa tay với một cành, hái một trái chín ăn chơi."

"Bỗng dưng? Bỗng dưng nảy ra một sự tình kỳ bí: bàn tay ta vừa chạm với một trái sim riêng rẽ, thì suốt dãy rừng, toàn thể ngàn sim lục bỗng chấn động vang lừng. Đó là bí quyết lạ lùng. Một bí quyết bất khả truyền".

Giai phẩm, Văn, Sài gòn 1973

Trích dẫn rút từ Mưa Nguồn, Đi Vào Cỡi Thơ, Thi Ca Tư Tưởng, Mùa Thu Trong Thi Ca.

Trích lại từ Talawas.

## **Bùi Giáng: Gã cường khấu cỡi nhân gian** **Nguyễn Hữu Hồng Minh**

Gọi Bùi Giáng là "người thơ" tôi muốn xác tín hai điều: - Bản chất thuần Việt của thi ca, tác phẩm ông và tính cách dân dã, bụi bặm, "bùi bàng giúi", "búi bàng giúi", "vân mông", "đười ươi thi sĩ" gần gũi với quần chúng của ông.

"Sử lịch sai trang

Chạy quàng

Là lịch sử..."

(Lá hoa côn - Bùi Giáng)

**Nhân kỷ niệm 10 năm ngày mất Bùi Giáng (ngày 7/10/1998)**

Có những từ chỉ cần *nhắc chữ* là *đọc nghĩa*. "Người thơ" có lẽ bao hàm trong nghĩa "thi nhân". Nhưng "thi nhân" là từ Hán Việt. Còn "người thơ" lại là một từ thuần Việt. Tôi còn có cảm giác từ "thi nhân" đã mòn cũ hẳn đi kể từ khi nhà phê bình Hoài Thanh viết cuốn *Thi nhân Việt Nam* giới thiệu đưa ra một loạt những thi sĩ tên tuổi làm nên phong trào Thơ Mới. Từ ấy đến nay cũng đã xấp xỉ tròn thế kỷ. Chữ dùng nhiều cũng vẹt mòn. Chữ chuyên chở một dấu hiệu, một biểu tượng càng đóng khung bó hẹp nó trong một hàm nghĩa. Cũng như tầm quan trọng của Thơ Mới trong lịch sử phát triển thi ca Việt Nam là điều hiển nhiên, khó có thể phản biện nhưng việc kéo dài tầm ảnh hưởng nó qua nhiều thế hệ thơ Việt lại làm trì trệ, chậm lụt, thậm chí suy đồi, giảm hẳn tính sáng tạo. Là một lực cản đáng phê phán cho những đường bay nghệ thuật. Bùi Giáng "người thơ" vượt ra khỏi những quy chuẩn có tính áp đặt ấy!

Gọi Bùi Giáng là "người thơ" tôi muốn xác tín hai điều: - Bản chất thuần Việt của thi ca, tác phẩm ông và tính cách dân dã, bụi bặm, "bụi bặm giúi", "búi bặm giúi", "vân mông", "đười ươi thi sĩ" [1] gần gũi với quần chúng của ông. Trong lịch sử thơ ca Việt Nam hiện đại chưa từng sản sinh ra một trường hợp nào lạ lùng và độc đáo như vậy. Thơ với cuộc đời Bùi tiên sinh như đã được quán luận, được thực hành như một Đạo. Đạo Thơ. Hình ảnh còn lại của ông ngày nay được độc giả yêu thơ, yêu nghệ thuật khắc họa qua tranh, ảnh, thư pháp, điêu khắc... trên các chất liệu sơn dầu, mực tàu, rễ cây, rễ tre... lung linh tiềm ẩn một sức sống kỳ lạ. Nó cho thấy Bùi Giáng như một quan điểm, triết thuyết, một biểu tượng sống. Đôi lúc thấy ông ung dung, "nhi bất hoặc" giữa cuộc đời cũng như đôi khi cần thiết thì sẵn sàng tận hiến, đốt cháy bản thân mình, bày tỏ một thái độ. Đôi mắt với cái nhìn thẳng quắc thước không khoan nhượng vì sự thật và cái đẹp khiến ông như một Tề Điên hòa thượng hay Bồ Đề Đạt Ma trong điển cổ. Bởi thế, viết về Bùi Giáng thật khó. Nhiều giai thoại cuộc đời đã kể về ông cũng như sự cống hiến hết mình cho văn học, nghệ thuật thi ca của ông viết bao nhiêu cũng không đủ. Viết bao nhiêu cũng hóa thừa. Tôi tâm đắc lời dịch giả, nhà nghiên cứu triết học Bùi Văn Nam Sơn khi ông nhận định về chuyện này: "Viết đôi lời hay nhiều lời về Bùi Giáng không bằng đọc Bùi Giáng. Đọc Bùi Giáng không bằng giao du với Bùi Giáng. Giao du với Bùi Giáng không bằng sống như Bùi Giáng. Mà sống như Bùi Giáng thì thật vui mà thật khó vậy!" [2].

Sự nghiệp của Bùi Giáng tỏa rộng qua nhiều lĩnh vực, từ thơ, nghiên cứu phê bình, bình giảng, làm báo và dịch thuật. Nhưng có thể khẳng định thơ đã "can thiệp", xuyên suốt và xuyên thấu qua hết mọi địa hạt của ông. Nói cách khác, cái lõi của vấn đề Bùi Giáng là "lời thơ". Không những Bùi Giáng dịch hay như làm thơ (tiêu biểu như các cuốn *Cõi người ta*, *Hoàng tử bé* (*Saint Exupéry*), *Mùi hương xuân sắc* (*Gérard De Nerval*), *Hòa âm điên dã*, *Khung cửa hẹp*, *Trường học đờn bà* (*André Gide*), *Ngộ nhận* (*Albert Camus*), *Nhà sư vương lụy* (*Tô Mạn Thù*)... mà ông viết nghiên cứu cũng dào dạt mê cuồng như làm thơ (*Tư tưởng hiện đại*, *Tuyển tập luận đề*, *Thi ca tư tưởng*)... Sự "nhập đồng", thăng hoa ấy hiếm người có được!

Hãy thử khảo sát một vài đoạn trong các tiểu thuyết của André Gide, Gérard De Nerval "phổ" qua thơ của Bùi Giáng để thấy chuyện dịch thuật với ông là thân thuộc, biến hóa, là "ăn dằm nằm dề", "nhiễm sâu vào máu", ý vị, sâu sắc, gần gũi mà bay bổng thế nào. Cái thần kỳ của những câu lục bát: "Hỡi ôi! Quả thật là là / Song trùng đao kiếm đầy qua đứn về / Hờ hang tồn lý ê chề / Lẳng lơ chết lịm trận đề huề gieo / Hồn mang thị hiện ngặt nghèo / Cung giây so lệch thu vèo sang đông" là cảm hứng của ông khi đọc đoạn văn tiếng Pháp "Je relis encore une fois tout le chapitre. C'est le depart d'une discussion infinie..." [3].

Một đoạn khác, ca ngợi thân xác, đầy âm hưởng tượng trưng của thơ Bích Khê: "Hương ngây tội lỗi rải mơ màng / Da thịt du dương của một nàng / Đã luống đời xanh trên gối lục / Linh hồn tỉnh dạ hận dư vang" từ tuyệt bút "Le tintement de la cloche du matin était encore dans mon Oreille et m'avait sans doute reveillé..." [4].

Và đây có thể xem là một bài thơ thể 6-8 toàn bích với gợi nhớ từ Truyện Kiều của Nguyễn Du. Sức hấp dẫn của Bùi Giáng không chỉ khẳng định tài năng xử dụng ngôn từ uyên áo của mình

mà ông còn thuộc rất nhiều thơ, nói cách khác, sẵn sàng cúi đầu lĩnh hội những cái hay, cái đẹp từ thơ của các bậc tiền bối đi trước. Một thái độ học hỏi, nghiêm cẩn, thành tâm rất hiếm thấy ngày nay ở các nhà thơ trẻ: "Dư vang tiếng trống tiếng còi / Rập rờn đầu liễu mộng hoài xanh buồn / Xa xôi thôn ỏ ngậm buồn / Thanh xuân gái dệt từng guồng hoa bay / Còn nghe điệu hát nghiêng mày / Sủi xanh làn gờ bên ngày phù du / Tràng hoa thêu gấm khơi mù / Dòng tuồn thúy lục xuân thu lên ngàn / Ta về ngón lại dư vang / Rồi mai ly biệt lên đàng nhớ nhung" là lúc cảm hứng xuất thần, không thể kiểm chế với bên bờ phù trầm từ Carnets của Albert Camus: "Le cor et le tambour résonnaient au loin dans les hameaux et dans le bois les jeunes filles tressaient des guirlandes et assortissaient, en chantant, des bouquets ornés des rubans..." [5].

Dẫn chứng như thế để thấy rõ ràng Bùi Giáng đã lấy "thi tưởng" để "quán" hết mọi lẽ trong hành động. Vì thế mới có những nhận định về Bùi Giáng theo kiểu như của nhà thơ Thanh Tâm Tuyền, đó là "ngủ ra thơ, thờ ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ" [6].

Điều tôi quan tâm ở thơ Bùi Giáng cũng là thái độ về lẽ biến hóa, vô thường đó. Ông là người kết hợp được những lý lẽ uyên áo, trầm mặc của tinh thần Phương Đông với triết lý thực nghiệm, thực dụng của Phương Tây nên càng về cuối đời, thơ Bùi Giáng càng có những cuộc đảo lộn dữ dội về ngôn ngữ, lật nhào cả những hệ thống quan điểm thơ mà gần như cả một đời ông xây dựng. Từ cái thuở tinh khôi và căn nguyên như trong *Mưa nguồn* [7]:

"Em về mấy thế kỷ sau  
Nhìn trắng có thấy nguyên màu ấy không?  
Ta đi còn gởi đôi dòng  
Lá rơi có đội ở trong sương mù"

Hay *Mùa màng tháng tư* [8]:

"Đã đi đã đến cuối trời  
Đã về như vẫn muôn đời đã đi"

cho đến khi xóa sổ, tung hê hết:

"Sài Gòn Chợ Lớn rong chơi  
Đi lên đi xuống đã đời du côn"

Triết lý trong cuộc chơi và kiếm tìm ngôn từ của Bùi tiên sinh cuối cùng chỉ còn lại mấy chữ "vui thôi mà!" cứ ngỡ rằng ai hiểu thế nào cũng được. Cao hơn, như Bồ Đề Đạt Ma giảng trong Tuyệt Quán Luận: "Vấn viết: Hà tâm chi tri? Hà mục chi kiến? Đáp viết: Vô tri chi tri, vô kiến chi kiến" (Vấn: Tâm nào thì hiểu được? Mắt nào thì thấy được? Đáp: Hiểu bằng vô tri, thấy bằng vô kiến) [9].

Nhưng theo ý tôi, "vui thôi mà" đó chính là khát vọng và bi kịch của một thi sĩ đã "tuần nạn trên lộ trình của chữ". Dường như mỗi thi sĩ đích thực không thể lý giải hết khát vọng và sự có mặt của mình. Bùi Giáng viết:

"Xin chào nhau giữa con đường  
Mùa xuân phía trước miền trường phía sau"

Nhiều bài viết của các học giả cho rằng, ở văn học miền Nam một giai đoạn, nếu Phạm Công Thiệu là đỉnh cao của trí tuệ thì Bùi Giáng chính là tinh hoa của trời đất [10].

Vì thế Bùi Giáng là kẻ hát rong giữa chợ đời hay kẻ vì yêu đời quá mà hóa điên, trở thành một gã cuồng khẩu vô vọng? Không ai hiểu hết những con đường nào mà thi sĩ đã đi. Đường trần,

đường thơ, đường định mệnh. Khi tôi biết Bùi Giáng và đến chơi với ông thì ông không còn đi rong nữa. Có lẽ ông đã thuộc lòng mỗi con đường, mỗi ngõ phố Sài Gòn. Ông dường như chỉ còn ngồi một chỗ trong căn nhà của một người cháu tên là Nguyễn Thanh Hoài trên đường Lưu Quang Định, quận Gò Vấp [11]. Trên trán ông, lớp băng trắng vẫn còn thấm máu bởi những vết thương đời do những kẻ ít hiểu thi sĩ gây ra. Chỉ riêng hai con mắt vẫn sáng bừng như muốn nhìn thấu, muốn ôm trọn hết mọi cõi. Đến lúc ấy tôi mới hiểu hai câu thơ:

"Bây giờ riêng đối diện tôi

Còn hai con mắt khóc người một con"

(nhạc Trịnh Công Sơn lấy ý thơ Bùi Giáng)

Tôi có nhiều lần được tiếp xúc và gặp gỡ với Bùi Giáng nhưng không có một buổi trò chuyện nào ông chịu hết mình với tôi. Dường như ông muốn vô ngôn trước mọi cuộc đối thoại. Ông thường nằm đu đưa trên cánh võng trong khu vườn nhỏ tịch diệt cô đơn. Nhưng anh Hoài cho biết, ông vẫn âm thầm viết, âm thầm dịch thuật, ghi chú cho đến ngày cuối cùng. Ông thường viết chữ nắn nót rất đẹp trên những trang giấy nhàu nát, vỏ bao thuốc lá ông tình cờ nhặt đâu đó. Nhiều bài thơ trong di cảo ông, anh Hoài đã góp nhặt được bằng cách ấy. Một trong những bài trên giấy rác ấy, ông viết:

"Trước khi về chín tuổi

Em xin gửi đá vàng

Của trăm năm buồn tủi

Về trở lại nhân gian"

Cho thấy một nỗi niềm, một nỗi buồn nhân thế! Không ai có thể chia sẻ. Ở một góc nào đó, theo tôi, chính là niềm đau thân phận mà ông và các văn nghệ sĩ bạn bè cùng lứa ngẫu nhiên bị cuốn vào, tan tác lốc cuốn, quay cuồng trong bão loạn của thời đại. Và tôi cũng hiểu tài năng, cốt cách của những nghệ sĩ lớn thường được thử thách đến cùng qua những "điểm chết" hay biến cố của lịch sử. Và Bùi Giáng là một trong những tài năng lớn giữ được, bảo vệ được vẹn toàn nhân cách đó. Chính ông đã trở thành một biểu tượng cho chính những người yêu thơ ông vì thế!

Một điểm nữa mà tôi muốn nói trước khi kết thúc bài viết này là Bùi Giáng rất hay nổi điên khi có một người nào truy bức ông đến cùng. Cho dù đó là thi ca hay học thuật. Tôi cho rằng ông tránh các cuộc va chạm nảy lửa và tàn khóc ấy với hai lý do: Một, cuộc đời ông quá đủ đầy như một minh chứng; và hai, ông không muốn tái lập bất cứ đặt đề, một định đề nào cho Nghệ thuật. Đi vào nó thì giống như đi vào "Sa Mạc Phát Tiết" [12]. Ước mơ của ông là tung hô hết chữ nghĩa để nhảy múa và hát ca. Mang tinh thần Lão Tử, hòng diễn giữa chợ đời hiện đại. Vì thế ở một góc chợ Bà Chiểu, hay giữa cầu Trương Minh Giảng, người ta từng thấy thi sĩ múa may quay cuồng hay "nhập đồng" phóng ào từ trên xích lô xuống diễn kịch, múa gậy vây giữa đám đông hồ hởi và cuồng nhiệt. Những hình ảnh thơ như thế sẽ không bao giờ còn nữa. Ông chính là "người thơ" cuối cùng của một thế kỷ và đã ra đi giữa một thời đại đang ngày càng xa vắng những tâm hồn và những tâm tình thơ.

*Café Hồ Huân Nghiệp, Sài Gòn, 1/10/2008.*

**Bùi Giáng, càng điên..., càng tỉnh;  
càng già..., càng lãng mạn  
Nguyễn Hưng Quốc**

Trong bài "Chép thơ" in trong tập Bùi Giáng 1994 do thân nhân của Bùi Giáng xuất bản tại California năm 1995, có hai câu mở đầu như sau:



### Chép bài thơ cũ tặng em Những bài thơ mới tìm nhem tâm hồn

Đó là nhận định của Bùi Giáng về chính thơ của ông: những bài thơ ông mới viết sau này "tìm nhem tâm hồn", hay nói cách khác, sưng mướt đầy những cảm xúc dễ dãi, một điều hình như ông không thể tránh được nhưng ông lại không thích mấy, nên ông không muốn chép tặng người thân.

Trong một bài thơ khác, bài "*Từ bấy tới nay*" in trong tập *Thơ*

Bùi Giáng do Thế Kỷ 21 xuất bản năm 1994, Bùi Giáng, một lần nữa, lại ghi nhận sự thay đổi trong thơ của mình:

### Chợt mùa thơ vội đổi giọng Cổ nguồn cũng bởi tự lòng mà ra

Nhớ, trong bài "*Xuân xanh người Tàu*" in trong tập *Mùa thu trong thi ca*, năm 1969, nhân nhắc đến Nam Phương Hoàng Hậu Nguyễn Thị Lan, Bùi Giáng làm hai câu thơ, trong đó, câu đầu tiên hao hao như câu trên:

### Chợt mùa thơ vội dăm chiêu Bên mình phố thị Lan đều hiu đi

Câu thơ sáu chữ, chỉ khác nhau hai chữ sau cùng. Nhưng đó là sự khác biệt quyết định. Sự thay đổi, ngày xưa, chỉ là một sự thay đổi nhỏ nhoi: hơi thơ tự dưng chùng lắng xuống, trầm ngâm hẳn đi khi nhớ đến người phụ nữ mình ái mộ. Sự thay đổi hiện nay không những đột ngột mà còn quyết liệt, toàn diện. Là một sự "đổi giọng". Từ sông Thương sang sông Mã hay ngược lại. Biến thơ Bùi Giáng, giai đoạn trước và giai đoạn sau, có những khác biệt căn bản trong phong cách. Trong bài "*Thuở chưa điên*" in trong tập *Thơ* Bùi Giáng do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990, Bùi Giáng nói về hai giai đoạn thơ ấy:

### Ấy là thơ thuở chưa điên Ở trong dấu ngoặc quàng xiên reo cười Bây giờ xoang điệu đờn ươi Điệu hoa lầu các ngậm ngùi dấn thân.

Bài thơ cấu trúc trên trục đối lập: lúc người chưa điên thì thơ lại như điên; lúc người đã bị xem là điên thì thơ, đằng sau cái vẻ ngớ ngẩn và nhảm nhí lại rất hiền triết, chứa đựng thật nhiều tâm sự hắt hiu về cuộc đời.

Trước năm 1975, Bùi Giáng đã có một số những cơn điên ngắn. Trong lời giới thiệu Bùi Giáng in trong cuốn *Thơ điên ... thứ thiệt do Thái Bình Điên Quốc xuất bản tại Sài Gòn năm 1970, các bác sĩ làm việc trong dưỡng trí viện Nguyễn Văn Hoài đồng thời cũng là những người đứng ra biên tập tập thơ, cho biết, lúc đầu Bùi Giáng bị xếp vào loại điên nhẹ, nhưng từ tháng 5 năm 1969 thì ông bị chuyển sang hạng điên nặng*. Tuy nhiên trước năm 1975, bệnh tình của ông trở thành nặng hơn; những cơn điên đến với ông thường xuyên hơn và cũng kéo dài hơn. Nhưng có điều lạ là, nếu so sánh các tập thơ của Bùi Giáng xuất bản trước năm 1975, sau tập *Mưa nguồn*, với các tập thơ của ông xuất bản sau năm 1975, cả ở hải ngoại lẫn ở trong nước, chúng ta sẽ thấy ngay là những tập thơ sau này tinh tảo hơn hẳn.



Thơ Bùi Giáng trước năm 1975, trừ tập Mưa nguồn và phần nào, tập Ngàn thu rớt hột, là một cuộc tra vấn đầy khắc khoải về khả năng của ngôn ngữ. Đó là những bài thơ viết về ngôn ngữ của một kẻ mà số phận bắt buộc phải sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện diễn đạt và hơn nữa, như một cách thế duy nhất để tồn tại. Ông làm thơ như một kẻ say mê chơi trò chơi chữ nghĩa:

Một hôm gàu guốc gằm ghi  
Hai hôm gàu gũ cũng vì ba hôm  
Bôm ha? đạn hả? bao gồm  
Bôm gạo đờ bỏ gồm gạo đen.  
(Ngẫu hứng) <sup>(1)</sup>

Dạo ấy có lẽ Bùi Giáng chưa đọc Jacques Derrida, triết gia hàng đầu trong trào lưu hậu cấu trúc luận (post-structuralism) và hủy cơ luận (deconstruction), người bắt đầu nổi tiếng tại châu Âu và Mỹ trong khoảng thời gian từ 1967 đến 1972, nhưng mãi đến năm 1975, tôi chưa thấy có dấu hiệu gì chứng tỏ là được biết đến nhiều tại Việt Nam. Trong lý thuyết của Derrida, có một luận điểm quan trọng: nếu ngôn ngữ, nói theo Ferdinand de Saussure là một hệ thống bao gồm một chuỗi những sự khác biệt về âm kết hợp với một chuỗi những sự khác biệt về khái niệm thì, theo Derrida, mối quan hệ giữa âm và khái niệm, hay nói theo thuật ngữ ngôn ngữ học, giữa cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified) không phải là một thứ quan hệ ổn định. Derrida đặt ra từ "différance" để chỉ bản chất bất định của các ký hiệu ngôn ngữ: động từ "différer" trong tiếng Pháp vừa có nghĩa là hoãn vừa có nghĩa là khác. "Khác" là một ý niệm về không gian: ký hiệu này được phân biệt với các ký hiệu khác. "Hoãn", ngược lại, là một ý niệm về thời gian: một cái biểu đạt ám chỉ một cái được biểu đạt nhưng đến lượt nó, cái được biểu đạt đó lại trở thành cái biểu đạt để ám chỉ một cái được biểu đạt khác, rồi đến lượt nó nữa, cái được biểu đạt ấy lại trở thành cái biểu đạt. Các mối quan hệ, cứ thế, lan rộng ra mãi. Minh chứng rõ nhất cho điều này có thể được nhìn thấy trong từ điển. Chẳng hạn, chúng ta thử tra chữ "viết". Ý nghĩa của chữ viết, tức cái được biểu đạt của ký hiệu "viết" được ghi là: "Vạch những đường nét tạo thành chữ". Trong định nghĩa này, yếu tố quan trọng nhất là "vạch". "Vạch" là gì? Với câu hỏi ấy, cái được biểu đạt ("vạch") tức khắc biến thành cái biểu đạt. Từ điển giải thích ý nghĩa của chữ "vạch" là: "Tạo thành đường, thành nét". Nhưng "tạo" là gì? Từ điển ghi: "Làm cho từ không có trở thành có". Nhưng "làm" là gì? v.v... Cứ thế, liên tục. Điều này một mặt làm cho mỗi từ không những chỉ có quan hệ với các từ khác trong văn cảnh của nó mà còn có những quan hệ vô tận với những từ khác ở ngoài văn cảnh, và mặt khác, quan trọng hơn, làm cho cái gọi là ý nghĩa cứ triển hạn mãi mãi. <sup>(2)</sup>

Bài thơ ở trên của Bùi Giáng là một đoạn trong chuỗi liên hệ vô tận trong ngôn ngữ: chữ "một hôm" làm ông liên tưởng đến "hai hôm" rồi "ba hôm"; rồi chữ "ba hôm" làm ông liên tưởng đến cách nói lái "bôm ha"; rồi trong "bôm ha", từ tố "bôm" khiến ông liên tưởng đến "đạn", từ âm tố "gao", ông liên tưởng đến "gạo", v.v... Thành ra, chữ "một hôm" không phải chỉ gợi ra ý nghĩa là một đơn vị thời gian, mà còn gợi ra ý nghĩa là súng đạn, là cơm gạo. Xin mở một dấu ngoặc: bài thơ này được Bùi Giáng sáng tác trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam đang hồi khốc liệt. Thời ấy, với nhiều người, với rất nhiều người, sống một ngày đồng nghĩa với sự chịu đựng những đe dọa từ chiến tranh và từ sinh kế.

Tuy nhiên, nếu ngôn ngữ chỉ là một chuỗi những liên hệ bất tận như vậy thì, như các nhà hậu cấu trúc luận sau này đã chỉ rõ, ngôn ngữ không còn khả năng quy chiếu về hiện thực và do đó, cũng không còn khả năng phát hiện chân lý được nữa. Bùi Giáng hoàn toàn hiểu điều đó. Trong bài "*Phố phường cỏ mọc*" in trong tập Mùa thu trong thi ca, ông mỉa mai: "người ta tưởng chừng như tin rằng ngôn ngữ có thể nói ra được sự thật" <sup>(3)</sup>. Ai tưởng thì cứ tưởng, riêng ông, ông rất bi quan:

Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ  
Mỹ Thọ muôn đời là Lục Tỉnh hôm nay  
Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trắng  
Gọi người sương phụ gái thơ ngây.  
(*Lấn lộn lung tung*)<sup>(4)</sup>

Hoài nghi khả năng "tái hiện hiện thực" của ngôn ngữ, có khi Bùi Giáng bỏ cuộc chơi trong lãnh vực ngữ nghĩa để đuổi bắt một trò chơi ở lãnh vực ngữ âm, với nhịp điệu trầm bổng của các thanh, các âm. Đó là những lúc Bùi Giáng làm những câu thơ toàn bằng chữ Hán hoặc những câu thơ hoàn toàn vô nghĩa, trong đó, chỉ có những tiếng động lạnh canh lách cách của các âm, các vần, các thanh điệu va chạm vào nhau mà thôi.<sup>(5)</sup>

Những trò tra vấn ngôn ngữ ấy, dù sao, cũng là những trò chơi của một người trí thức. Tôi nghĩ, đó là ý nghĩa của cụm từ "ở trong dẫu ngoặc" trong đoạn thơ trên của Bùi Giáng. Sau này, chủ yếu là sau năm 1975, ông thoát được những ám ảnh thuần túy trí thức ấy. Thơ của ông, đằng sau cái vẻ ngớ ngẩn điên khùng, lại chứa đựng nhiều nhân tình hơn:

Bây giờ xoang điệu đờn ươi  
Điệu hoa lâu các ngậm ngùi dấn thân

Nói đến "xoang điệu đờn ươi" là nói đến những yếu tố quây phá bên ngoài. Ở đây nên chú ý là Bùi Giáng, cả trước và sau năm 1975, đều nói đến cái điên của mình; tuy nhiên, sau năm 1975, tần số xuất hiện của những bài viết về cái điên ấy tăng lên rất cao. Hơn nữa, trong những bài thơ ấy, Bùi Giáng nhắc đến cái điên của ông một cách cực kỳ tinh táo, như là cái điên của một ai khác:

Chớm vừa tinh táo hôm qua  
Mà hôm nay đã hét la vộì vàng  
Ồ ào quây phá xóm làng  
(*Cho hay là giống*)<sup>(6)</sup>

Đôi khi với chút hài hước:

Điên cuồng mà tưởng nên thơ  
Cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần  
(*Tặng bạn điên*)

Có khi vừa hài hước vừa nhuốm chút tự hào:

- Ủa, phải anh Sáu Giáng đó không?  
- Và cô có phải cô Bông năm nào?  
- Anh còn nhớ rõ, ôi chao  
Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh  
Anh điên mà dzui dzê thập thành  
Còn chúng tôi tinh táo mà đành buồn hiu!<sup>(7)</sup>

Điên, mà ý thức về cái điên của mình một cách sáng suốt như vậy, kể cũng rất lạ lùng. Nhưng điều đáng lạ lùng hơn nữa là, càng điên, thơ Bùi Giáng càng chất chứa nhân tình, hay nói theo ngôn ngữ của ông là "*điệu hoa lâu các ngậm ngùi dấn thân*". Thơ không còn là một trò chơi chữ nghĩa nữa mà là một sự bộc bạch, một sự thổ lộ tâm tình:



Lời tình táo lời mê man  
Điệu thể thiết rống điệu bàng hoàng ca  
(*Y ư mộng du ư mê*)

Một tiếng đoạ trường:

Câu thơ viết ngắn viết dài  
Ghép làm một mảnh miệt mài cho nhau  
Ghép thật chậm ghép thật mau  
Ghép lui ghép tới ghép gào rống tru  
(*Câu thơ viết ngắn*)

Ngay cả khi may mắn, được hạnh phúc, Bùi Giáng cũng dùng thơ để gửi gắm niềm vui:

Những tờ thơ mộng tạc ghi  
Niềm vui vô tận từ khi Di về  
(*Tặng di Trang*)

Chính vì đem hết tâm tình, cả vui lẫn buồn, cả hạnh phúc lẫn thống khổ, gửi gắm vào thơ như vậy, cho nên Bùi Giáng mới khắc khoải trông đợi sự cảm thông của người đọc, điều, trước năm 1975, có lẽ ông ít nghĩ tới:

Tôi cười tôi khóc bằng quơ  
Người nghe cười khóc có ngờ chi không  
(*Bao giờ*)

hay:

Xổ bầu tâm sự điêu linh  
Ai người chia sẻ với mình với ta  
(*Một giờ*)

Khát khao được thông cảm, có lúc ông năn nỉ:

Tặng nhau từ ngữ lạc lằm  
Cũng xin hồng lệ hãy đầm đìa tuôn  
(*Y ư mộng du ư mê*)

Nói đến "*từ ngữ lạc lằm*" là nói đến sự bất lực của người sử dụng ngôn ngữ chứ không phải là sự bất lực của chính bản thân ngôn ngữ. Đó là sự thất vọng rất thực tế chứ không còn là một sự thất vọng mang tính siêu hình:

Người điên ngôn ngữ điệp trùng  
Dở chừng như mộng dở chừng như mê  
Thưa em ngôn ngữ quặt què  
Làm sao nói được nghiệp nghề người điên  
(*Người điên*)

Bùi Giáng, sau 1975, rõ ràng là một nhà thơ "*ngậm ngùi dần thân*". Ông sống ngoài đường phố nhiều hơn trong nhà; thơ của ông cũng nhuốm nhiều chất bụi của nhân sinh. Rồi bỏ những

trang sách triết học hiểm hóc của Nietzsche, của Heidegger, ông lắng nghe những tiếng nói âm thầm của đời sống chung quanh:

Anh đi đứng phở ngòi hè  
Thiu thiu nằm ngủ lắng nghe chuyện gì.  
(*Cảm ơn*)

Cũng ý tương tự, ông có một câu thơ khác không chừng ý vị hơn, mệnh mang hơn:

Chiêm bao đứng phở ngòi hè  
Nghìn phương mây gió còn nghe ví dù  
(*Ví dù*)

Nhà thơ đường phố ấy viết về mình một cách rất đối diện hòa:

Đường quanh ngõ quẹo lang thang  
Niềm vui tao ngộ muôn vàn lạ thay  
Trái tim mỗi mới mỗi ngày  
Mỗi giờ phút động mây trời rung rinh  
Đường đi mất hút thành linh  
Những khôn mặt lạ những hình ảnh quen  
Tạm nhờ men rượu nguôi quên  
Niềm vui nổi nhớ chênh vênh lạ lùng  
(*Đường quanh ngõ quẹo*)

Có thể nói, sau 1975, thơ của Bùi Giáng giảm chất siêu hình và tăng rất nhiều chất cảm xúc. Thơ ông không còn là những cuộc tra vấn, "*lời nghi vấn lời*", mà chủ yếu là một sự bộc bạch tâm sự, "*lời lời vô tận từ lòng mà ra*". Ông viết nhiều về những buồn vui trong đời thường:

Tôi ngồi chép mãi bài thơ  
Quần quanh vắn điệu bao giờ cho xong  
Đôi phen lệ chảy ròn ròn  
Tâm tình kín đáo giòng giòng tuôn ra  
Tiếng cười tiếng khóc tiếng ca  
Tuồng chừng khép mở màu hoa mấy mùa  
(*Chuyện bữa trước bữa sau*)

Hình như chính Bùi Giáng cũng ngạc nhiên về điều ấy:

Rong chơi râu tóc bạc phơ  
Còn nghe đấm đui vắn thơ yêu người  
(*Râu tóc bạc phơ*)

Ngạc nhiên, nhưng chưa chắc ông đã hài lòng khi ông tự biết:

Mỗi ngày thân thể mỗi gầy  
Mỗi năm tim máu mỗi nhầy nhụa ra  
(*Mỗi ngày*)

Có lẽ Bùi Giáng xem những bài thơ xuất phát từ tim máu "nhầy nhụa" ấy là những bài thơ "tèm nhem tâm hồn" chăng?

Điều rất thú vị là sau 1975, không phải chỉ có mỗi Bùi Giáng là trở thành nhà thơ lãng mạn chủ nghĩa theo nghĩa là kẻ xem thơ chủ yếu như một sự bộc lộ cảm xúc và nhắm tới, trước hết, mục đích giao cảm với tha nhân. Một sự "đổi giọng" tương tự cũng diễn ra trong sáng tác của rất nhiều người khác, kể cả Mai Thảo lẫn Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên, tuy ở mỗi người, mức độ và thời điểm "đổi giọng" khác nhau. Hình như khi bị đẩy xuống tận cùng thảm họa, không còn lại gì cả, người ta bắt đầu nghiêng xuống lắng nghe tâm tình của mình một cách chăm chú và thành khẩn hơn, từ đó, người ta cũng đâm ra thêm khát được thông cảm, được chia sẻ hơn chẳng? Nếu đúng thế thì hiện tượng ít nhiều chuyển sang xu hướng lãng mạn chủ nghĩa là một trong những đặc điểm lớn của văn học miền Nam thời kỳ hậu 1975.

(Hợp Lưu "*Tưởng niệm Bùi Giáng*"  
số 44, Xuân Kỷ Mão, 1999)

### Chú thích:

1. Trích trong tập Thơ điên ... thứ thiệt do Thái Bình Điền Quốc xuất bản tại Sài Gòn năm 1970.
2. Quan điểm về ngôn ngữ và văn học của Jacques Derrida chủ yếu được trình bày trong hai cuốn: *De la grammatologie* (Minuit, Paris, 1967), Gayatri Chakravorty Spivak dịch ra tiếng Anh, *Of Grammatology*, Johns Hopkins University Press xuất bản năm 1976; và cuốn *L'écriture et la différence* (Seuil, Paris, 1967), Alan Bass dịch sang tiếng Anh, *Writing and Difference*, Routledge xuất bản tại London năm 1978. Cuốn sách giới thiệu Derrida một cách vắn tắt và dễ đọc nhất có lẽ là cuốn Derrida của Christopher Johnson, Phoenix xuất bản tại London năm 1997.
3. Bùi Giáng (1969), Mùa thu trong thi ca, *Sống Mới* in lại tại Hoa Kỳ, không ghi năm, tr. 223.
4. Bài thơ này in trong tập *Ngàn thu rớt hột*; (tôi bị mất tập thơ này và không nhớ số trang).
5. Về vấn đề ngôn ngữ trong thơ Bùi Giáng, xin xem thêm chương "Cuộc hòa giải vô tận: trường hợp Bùi Giáng" trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* của Nguyễn Hưng Quốc, Văn Nghệ xuất bản, 1996, tr. 181-216.
6. Tất cả những câu thơ của Bùi Giáng dẫn trong bài này nếu không có chú thích riêng đều trích từ các tập Thơ Bùi Giáng do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990; *Thế Kỷ 21* xuất bản tại California năm 1994 và *Bùi Văn Vịnh* xuất bản tại California năm 1995.
7. Ghi theo trí nhớ, không nhớ trong bài nào và tập nào.

### Thơ về...



Bùi Giáng tuổi thanh xuân

*Thơ về nắng sáng lừng bay  
Gấp đi cánh phượng cho ngày rạng ra*

Ông Hồ Dzếnh có mấy chục câu thơ tốt vời mệnh mông. Ông Nguyễn Du phải chịu đầu hàng vô điều kiện. Buổi tái hợp Kiều Kim, đáng lẽ Kim Trọng phải nói câu Hồ Dzếnh:

*Người về ta mới nhớ ra  
Yêu là thế ấy, mơ là thế thôi*

Thật là ngậm ngùi. Yêu là thế ấy? - “Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.” Mơ là thế thôi? - “Mười lăm năm bấy nhiêu lần.”

Ông Hồ Dzếnh không nói thẳng ra. Ông nói thoang thoang, thì câu thơ lại mở rộng mọi bình diện. Từ đó chẳng những câu thơ kia có thể là vịnh *Kiều* mà cũng có thể vịnh mọi nỗi đa đoan dâu bể khác, để dung hợp cõi đạo Đông Phương, từ cõi vô vi huyền đồng tới vô khả vô bất khả... vân vân.

Đọc xong *Nam Hoa Kinh*, ta có thể viết:  
*Đọc rồi ta mới thấy ra  
Thị là thế ấy, phi là thế thôi*

Lúc ông Khổng tán đồng Tăng Điểm, ta cũng viết:  
*Nói rồi ta mới nhớ ra  
Ngôn là thế ấy, ngữ là thế thôi*

Sau cuộc du hành khắp nước Tàu, trở về nước Lỗ, Khổng Tử ắt bảo môn đệ:  
*Đi rồi ta mới thấy ra  
Du là thế ấy, hành là thế thôi*

Làm thơ, in thơ xong, ta cũng ngậm ngùi:  
*Làm rồi ta mới thấy ra  
Thơ là thế ấy, thần là thế thôi*

Người lính đánh nhau xong một trận, nhìn chiến địa ngổn ngang ắt cũng thốt:  
*Đánh rồi ta mới thấy ra  
Bom là thế ấy, đạn là thế thôi*

Trong cuộc hội đàm, người ta cũng nghĩ:  
*Hội rồi ta mới thấy ra  
Hoà là thế ấy, đàm là thế thôi*

Học sinh đi thi một cuộc:  
*Thi rồi ta mới thấy ra  
Đậu là thế ấy, hỏng là thế thôi*

Cô giáo phạt học sinh hôm qua, hôm nay nghe tin đứa học sinh bị ô tô cán gãy chân, cô ngậm ngùi:  
*Phạt rồi ta mới thấy ra  
Giáo là thế ấy, dục là thế thôi*

Kẻ hấp hối:  
*Sống rồi ta mới thấy ra*

*Tử là thế ấy, sinh là thế thôi*

Tử đó? - Thế thôi thế thì:

*Cho tôi thoáng cảm mùi nhang*

*Hình dung xa vắng cung đàn rồi thôi.*

\*\*\*

**Phụ đính:**

## Mộ chí Bùi Giáng



Đối diện nghĩa trang chùa Quảng Bình, nơi an nghỉ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có mộ thi sĩ Bùi Giáng, chệch về phía tay phải vài chục mét. Mộ họ Bùi cũng nằm chung trong khu nhiều mộ khác. Nhưng “vóc dáng” mộ của nhà thơ khác xa mộ nhà soạn nhạc. Nếu mộ của Trịnh Công Sơn hòa vào thiên nhiên thì mộ Bùi Giáng lại nằm trong kiến trúc xây dựng.

Khuôn viên mộ không lớn, giới hạn bởi bờ xây thấp bằng hai lớp đá láng mặt. Mộ khối chữ nhật cao 50cm, đá ốp lát bên ngoài, trên nóc khoét lỗ tròn đường kính gần bằng bề ngang của mộ, trồng lơ thơ mấy cây hoa. Thường người ta chừa một khoảng trống dài để trồng cỏ hay đỗ sỏi chứ không ai làm như vậy. Tôi liên tưởng đến ý niệm “trời tròn đất vuông”, có phải càn khôn thu cả vào đây chăng.

Góc trái trên đầu mộ, có tượng bán thân của nhà thơ đặt trên bục xi măng cao, khắc mấy dòng:

**Thi Sĩ Bùi Giáng**

Nguyên quán: Vĩnh Trinh Duy Xuyên Quảng Nam,

Sinh năm Bính Dần 1926,

Tạ thế 17 – 8- Mậu dần (7-10-98) hưởng thọ 73.

Các anh chị em.

Bà con Bùi Tộc Vĩnh Trinh

và các thân hữu đồng lập mộ

Bức tượng rất nghệ thuật, thể hiện được khuôn mặt đặc biệt nghệ sĩ của Bùi Giáng. Phong tượng là một tấm đá mài màu chu có bài thơ nét chữ của Bùi Giáng:

**Thần Tiên trên núi**

Đùa với tuyết  
Rõn với vân  
Một mình nhớ mãi  
Gái trần gian xa  
Sương buổi sớm  
Nắng chiều tà  
Trăm năm hồng lệ  
Có là bao nhiêu.

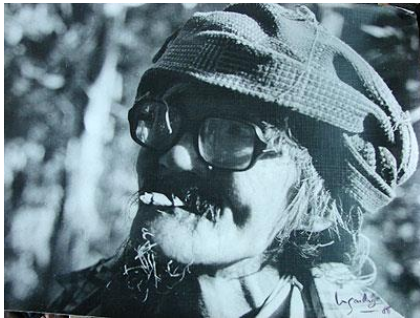
Tôi thích màu da chu của tượng, màu sét rỉ rất phong trần, màu của gió mưa lang bạt, mặc dù suốt đời ông chưa hề có chuyến đi xa:  
Hỏi rằng quê quán nơi đâu?

Thưa rằng tôi ở bấy lâu quê nhà.

Một bức tường cao, chạy hết chiều ngang khuôn viên mộ, kết bằng những tấm đúc mỏng như ván, theo dợn sóng chứ không phẳng mặt, gắn nhiều miếng marble mang những dòng lưu niệm của thân hữu, của khách thăm. Tôi cố đọc một vài mà không nom rõ, chữ nhỏ, không màu nên chẳng phân biệt được gì.

Theo thiên ý, lối thiết kế có hơi lạ nhưng rườm rà, thô cứng, mọi thứ như để đóng khung, giam giữ hồn nhà thơ.

## Tiểu sử tự ghi



1926 - được bà mẹ đẻ ra đời  
1928 - bị té bể trán, vết sẹo còn nguyên kỷ niệm, hai năm trời chết đi sống lại  
1933 - bắt đầu đi học a, b, c... trường làng tại Thanh Châu với Thầy Cù Đình Quý  
1936 - học trường Bảo An với thầy Lê Trí Viễn  
1939 - ra Huế học tư thực với những thầy Cao Xuân Huy, Trần Đình Đản, Hoài Thanh Nguyễn đức Nguyên, Đào duy Anh, vân vân  
1940 - về Quảng Nam chăn bò  
1942 - trở ra Huế, vì nhớ nhung gái Huế  
1949 - nhập ngũ , bộ đội công binh. Hai năm sau giải ngũ  
1952 - vào Sài gòn, 1955 (57) khởi sự viết về Nguyễn Du và một vài nhận xét về Truyện Kiều và một vài nhận xét về Bà Huyện Thanh Quang, một vài nhận xét về Chinh Phụ Ngâm ...(TÂN VIỆT xuất bản)  
1957 - TÂN VIỆT xuất bản :giảng luận về Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, giảng luận về Chú Mạnh Trinh, giảng luận về Tôn Thọ Trường và Phan Văn Tri

1962 - Tập thơ Mưa Nguồn - Tư Tưởng Hiện Đại

1963 - Lá Hoa Cồn (thơ) - Ngân Thu Rớt Hột (thơ) Màu Hoa Trên Ngàn (thơ)

Martin Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại (hai tập) (do đưa em ..)

1965 - nhà cháy mất trụ bản thảo In vôi vàng Sa Mạc Phát Tiết (An Tiêm)

Dialogue (viết Avantpropos (viết giúp cho Nhất Hạnh, Lá Bối) và Letre à René char) (Lá Bối in)

Sa Mạc Trường Ca (An Tiêm in bản)

1968 - 68 : Dịch Martin Heidegger Erlauteninger gu Heidegger dịch. Giảng giải về thơ.

(Lời, Cổ Quận (An Tiêm) Lễ Hội Tháng Ba) (Quê sơn Võ Tánh)

Con Đường Ngã Ba (An Tiêm)

Bài Ca Quần Đạo (Nguyễn Đình Vương)

1969 - Bắt đầu điên rục rở

1970

1. Lang Thang Du hành Lục Tỉnh (Khách sạn Long xuyên Bà Chủ cho ở đầy đủ tiện nghi không lấy tiền)

2. Gái Châu Đốc Thương yêu và Gái Long Xuyên Yêu dấu

3. Gái Chợ Lớn Khiến bị bệnh lậu (bệnh hoa liễu)

1971 - 75 - 93

Điên rồ lừng lẫy chết đi sống lại về vang

Rong chơi như hài nhi (con nít)

Được gia đình ông Phó Chủ Tịch (482) Lê Quang Định, Hội Đồng Thành Phố đối xử thơ mộng thên.

Kính dâng Kim Thúy, Kim Hồng, Kim Hoa, đôi lời rất cuộc.....

Bình sinh mộng tưởng vấp phải niềm thương yêu của Kim Cương Nương Tử, Hà Thanh Cố

Nương và Mẫu Thân Phùng Khánh (tức Trí Hải Ni Cô)

Do đâu mà ra được như thế ?

Đáp: Có lẽ đầu tiên kỳ tuyệt là do ân nghĩa bốn bề thiên hạ đi về tập họp tại Già Lam, Vạn Hạnh và Long Huệ và Tịnh Xá Trung Tâm và Pháp Vân và xiết bao Chùa Chiền Miền Nam nước Việt, không biết nói sao cho hết.